STT	Mã hoạt chất	Tên hoạt chất	Đường dùng, dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Tên thuốc	SĐK hoặc Số GPNK	SĐK chuẩn hóa	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính nhỏ nhất (viên, gói, lọ,	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (tính trên đơn vị tính nhỏ nhất)	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ	Gói	Tên đơn vị (SYT/BV)	Tỉnh/TP	Số QĐ công bố	Ngày công bố kết quả trúng thầu
1	05V.47	Phòng phong			Phòng phong			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,118,000	439	490,690,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
2	05V.8	Tân di			Tân di			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	3,000	294	882,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
3	05V.9	Tế tân			Tế tân			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	117,500	482	56,629,125	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
4	05V.14	Bạc hà			Bạc hà			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	10,000	69	693,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
5	05V.15	Cát căn			Cát căn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	154,700	84	12,994,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
6	05V.17	Cúc hoa vàng			Cúc hoa vàng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	199,000	656	130,593,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
7	05V.25	Ngưu bàng tử			Ngưu bàng tử			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	14,000	135	1,896,300	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
8	05V.27	Sài hồ bắc			Sài hồ bắc			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	108,000	623	67,246,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
9	05V.37	Độc hoạt			Độc hoạt			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	851,800	229	194,977,020	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
10	05V.39	Hy thiêm			Hy thiêm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	253,500	59	14,905,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
11	05V.41	Khương hoạt			Khương hoạt			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	586,700	1,650	967,790,985	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
12	05V.44	Mộc qua			Mộc qua			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	154,100	152	23,461,725	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
13	05V.45	Ngũ gia bì chân chim			Ngũ gia bì chân chim			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,105,100	59	64,979,880	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
14	05V.53	Tần giao			Tần giao			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	480,300	583	279,894,825	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
15	05V.58	Can khương			Can khương			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	84,000	144	12,083,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
16	05V.67	Phụ tử chế			Phụ tử chế			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	32,000	296	9,475,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
17	05V.68	Quế nhục			Quế nhục			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	21,000	131	2,756,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
18	05V.74	Bạch hoa xà thiệt thảo			Bạch hoa xà thiệt thảo			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	66,000	109	7,207,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
19	05V.78	Bồ công anh			Bồ công anh			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	141,000	101	14,212,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
20	05V.103	Cối xay			Cối xay			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	87,000	59	5,115,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
21	05V.84	Diệp hạ châu			Diệp hạ châu			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	69,000	59	4,057,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
22	05V.90	Kim ngân (cuộng)			Kim ngân (cuộng)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	182,000	84	15,288,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
23	05V.91	Kim ngân hoa			Kim ngân hoa			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	67,100	761	51,079,875	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
24	05V.92	Liên kiều			Liên kiều			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	86,000	423	36,390,900	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
25	05V.96	Sài đất			Sài đất			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	15,000	101	1,512,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
26	05V.134	Sâm đại hành			Sâm đại hành			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	38,000	161	6,104,700	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
27	05V.136	Thiên hoa phấn			Thiên hoa phấn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	50,000	128	6,405,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
28	05V.102	Chi tử (Sao đen)			Chi tử (Sao đen)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	4,500	200	897,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

29	05V.109	Tri mẫu			Tri mẫu			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	19,500	162	3,153,150	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
30	05V.114	Hoàng bá			Hoàng bá			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	108,000	258	27,896,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
31	05V.116	Hoàng cầm			Hoàng cầm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	40,000	303	12,138,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
32	05V.118	Hoàng liên			Hoàng liên			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	23,000	875	20,116,950	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
33	05V.124	Nhân trần			Nhân trần			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	78,000	79	6,142,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
34	05V.130	Bạch mao căn			Bạch mao căn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	116,000	67	7,795,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
35	05V.130	Bạch mao căn (sao đen)			Bạch mao căn (sao đen)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	24,000	67	1,612,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
36	05V.106	Huyền sâm			Huyền sâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	169,500	137	23,136,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
37	05V.133	Mẫu đơn bì			Mẫu đơn bì			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	205,900	200	41,077,050	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
38	05V.135	Sinh địa			Sinh địa			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	447,700	131	58,760,625	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
39	05V.33	Cà gai leo			Cà gai leo			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	36,000	79	2,835,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
40	05V.34	Cốt khí củ			Cốt khí củ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	221,000	118	25,989,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
41	05V.35	Dây đau xương			Dây đau xương			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	739,500	50	37,270,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
42	05V.49	Tang chi			Tang chi			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	134,000	42	5,628,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
43	05V.50	Tang ký sinh			Tang ký sinh			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,247,000	49	61,539,450	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
44	05V.40	Thương nhĩ tử (Ké đầu ngựa)			tử (Ké đầu ngựa)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	231,000	92	21,344,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
45	05V.279	Thương truật			Thương truật			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	396,600	532	211,130,010	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
46	05V.56	Uy linh tiên			Uy linh tiên			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	162,000	466	75,524,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
47	05V.141	Bán hạ nam (Củ chóc)			Bán hạ nam (Củ chóc)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	53,000	177	9,404,850	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
48	05V.151	Bách bộ			Bách bộ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	23,500	101	2,368,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
49	05V.153	Bạch quả (Ngân hạnh)			Bạch quả (Ngân hạnh)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	14,000	168	2,352,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
50	05V.157	Hạnh nhân			Hạnh nhân			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	15,000	288	4,315,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
51	05V.171	Câu đằng			Câu đằng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	159,000	169	26,878,950	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
52	05V.176	Thiên ma			Thiên ma			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	112,000	1,066	119,364,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
53	05V.180	Bình vôi (Ngải tượng)			Bình vôi (Ngải tượng)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	359,000	109	39,202,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
54	05V.181	Lạc tiên			Lạc tiên			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	649,000	59	38,161,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
55	05V.182	Liên tâm			Liên tâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	462,000	271	125,155,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
56	05V.184	Phục thần			Phục thần			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	235,500	305	71,709,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
57	05V.185	Táo nhân			Táo nhân			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	595,000	581	345,486,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
58	05V.187	Thảo quyết minh			Thảo quyết minh			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	328,000	40	13,087,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

59	05V.189	Viễn chí			Viễn chí			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	204,500	984	201,217,775	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
60	05V.301	Thục địa			Thục địa			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,476,900	137	201,596,850	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
61	05V.312	Ba kích			Ba kích			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	191,000	525	100,275,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
62	05V.328	Bạch truật			Bạch truật			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	911,800	190	173,287,590	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
63	05V.329	Cam thảo			Cam thảo			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	596,100	238	142,080,435	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
64	05V.329	Cam thảo (Trích mật)			Cam thảo (Trích mật)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	182,000	234	42,615,300	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
65	05V.315	Cẩu tích			Cẩu tích			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,031,800	50	52,002,720	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
66	05V.316	Cốt toái bổ			Cốt toái bổ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,288,600	98	125,831,790	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
67	05V.330	Đại táo			Đại táo			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,907,600	89	170,253,300	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
68	05V.317	Dâm dương hoắc			Dâm dương hoắc			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	52,000	305	15,834,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
69	05V.331	Đảng sâm			Đảng sâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,329,000	334	443,753,100	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
70	05V.319	Đỗ trọng			Đỗ trọng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	2,044,100	139	283,312,260	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
71	05V.334	Hoàng kỳ (sống)			Hoàng kỳ (sống)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	167,000	200	33,316,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
72	05V.334	Hoàng kỳ (Trích mật)			Hoàng kỳ (Trích mật)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,157,000	196	227,176,950	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
73	05V.29	Thăng ma			Thăng ma			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	52,160	368	19,168,800	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
74	05V.42	Lá lốt			Lá lốt			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	12,000	121	1,449,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
75	05V.60	Đại hồi			Đại hồi			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	1,500	168	252,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
76	05V.61	Địa liền			Địa liền			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	18,000	362	6,520,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
77	05V.62	Đinh hương			Đinh hương			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	1,000	662	661,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
78	05V.89	Khổ qua			Khổ qua			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	51,900	210	10,899,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
79	05V.99	Xạ can			Xạ can			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	5,000	307	1,533,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
80	05V.101	Xuyên tâm liên			Xuyên tâm liên			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	2,000	368	735,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

81	05V.88	Giảo cổ lam			Giảo cổ lam			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	23,200	137	3,166,800	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
82	05V.102	Chi tử			Chi tử			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	28,000	158	4,410,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
83	05V.104	Hạ khô thảo			Hạ khô thảo			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	11,000	210	2,310,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
84	05V.108	Thạch cao			Thạch cao			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	3,000	93	280,350	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
85	05V.131	Địa cốt bì			Địa cốt bì			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	13,000	441	5,733,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
86	05V.117	Hoàng đằng			Hoàng đằng			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	8,000	160	1,276,800	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
87	05V.119	Khổ sâm			Khổ sâm			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	20,400	163	3,320,100	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
88	05V.110	Actiso			Actiso			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	50,000	315	15,750,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
89	05V.36	Dây gắm			Dây gắm			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	227,000	86	19,544,700	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
90	05V.244	Hoạt thạch			Hoạt thạch			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	17,000	82	1,392,300	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
91	05V.251	Râu ngô			Râu ngô			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	5,000	93	467,250	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
92	05V.252	Thạch vĩ			Thạch vĩ			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	75,000	208	15,592,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
93	05V.332	Đinh lăng			Đinh lăng			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	193,000	175	33,842,550	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
94	05V.325	Quả xộp (trâu cổ)			Quả xộp (trâu cổ)			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	26,000	242	6,279,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
95	05V.140	Bán hạ bắc			Bán hạ bắc			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	7,500	404	3,031,875	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

96	05V.183	Linh chi			Linh chi			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	180,000	551	99,225,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
97	05V.159	Kha tử			Kha tử			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	24,000	163	3,906,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
98	05V.160	Khoản đông hoa			Khoản đông hoa			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	1,500	788	1,181,250	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
99	05V.145	Qua lâu nhân			Qua lâu nhân			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	3,000	347	1,039,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
100	05V.327	Tục đoạn			Tục đoạn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	697,800	210	146,538,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
101	05V.63	Ngô thù du			Ngô thù du			cổ phần dược phẩm Sơn Lâm	Việt Nam	được đóng trong túi nilon hàn	gam	9,000	791	7,115,850	Công ty cổ phần dược phẩm Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
102	05V.65	Tiểu hồi			Tiểu hồi			cổ phần dược phẩm Sơn Lâm	Việt Nam	được đóng trong túi nilon hàn	gam	1,000	202	201,600	Công ty cổ phần dược phẩm Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
103	05V.87	Đơn lá đỏ (Đơn mặt trời)			Đơn lá đỏ (Đơn mặt trời)			cổ phần dược phẩm Sơn Lâm	Việt Nam	được đóng trong túi nilon hàn	gam	60,000	117	6,993,000	Công ty cổ phần dược phẩm Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
104	05V.7	Sinh khương			Sinh khương			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	7,000	89	624,750	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
105	05V.24	Mạn kinh tử			Mạn kinh tử			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	21,300	147	3,131,100	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
106	05V.26	Phù bình			Phù bình			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	4,000	142	567,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
107	05V.28	Tang diệp			Tang diệp			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	10,000	112	1,123,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
108	05V.162	Tang bạch bì			Tang bạch bì			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	34,400	126	4,334,400	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
109	05V.164	Tô tử			Tô tử			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	4,000	113	453,600	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
110	05V.169	Bạch cương tàm			Bạch cương tàm			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	1,000	819	819,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

111	05V.170	Bạch tật lê			Bạch tật lê			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	1,000	263	262,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
112	05V.172	Dừa cạn			Dừa cạn			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	3,000	126	378,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
113	05V.179	Bá tử nhân			Bá tử nhân			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	67,000	898	60,149,250	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
114	05V.203	Ô dược			Ô dược			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	229,000	155	35,586,600	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
115	05V.206	Thanh bì			Thanh bì			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	10,000	168	1,680,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
116	05V.207	Thị đế			Thị đế			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	2,000	170	340,200	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
117	05V.336	Bạch hoa xà			Bạch hoa xà			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	10,000	158	1,575,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
118	05V.173	Địa long			Địa long			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	1,000	1,061	1,060,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
119	05V.219	Một dược			Một dược			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	19,000	382	7,261,800	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
120	05V.224	Tạo giác thích			Tạo giác thích			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	6,000	315	1,890,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
121	05V.77	Biển súc			Biển súc			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	17,000	158	2,677,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
122	05V.239	Đại phúc bì			Đại phúc bì			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	5,000	132	661,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
123	05V.346	Bình lang			Bình lang			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	10,000	158	1,575,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
124	05V.6	Quế chi			Quế chi			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	244,800	48	11,823,840	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
125	05V.69	Bạch biển đậu			Bạch biển đậu			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	160,000	91	14,616,000	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
126	05V.71	Hà diệp (Lá sen)			Hà diệp (Lá sen)			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	60,900	57	3,453,030	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
127	05V.54	Thiên niên kiện			Thiên niên kiện			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	401,000	98	39,157,650	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

128	05V.156	Cát cánh			Cát cánh			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	43,100	277	11,947,320	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
129	05V.190	Vông nem			Vông nem			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	26,000	71	1,856,400	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
130	05V.246	Mã đề			Mã đề			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	36,000	109	3,931,200	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
131	05V.247	Mộc thông			Mộc thông			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	89,000	110	9,812,250	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
132	05V.269	Chè dây			Chè dây			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	32,000	105	3,360,000	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
133	05V.273	Lá khôi			Lá khôi			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	138,000	480	66,219,300	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
134	05V.333	Hoài sơn			Hoài sơn			dược phẩm	Việt Nam	hút chân không, từ	gam	684,000	129	88,338,600	Công ty dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
135	05V.200	Mộc hương			Mộc hương			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	70,700	161	11,357,955	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
136	05V.205	Sa nhân			Sa nhân			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	37,000	338	12,509,700	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
137	05V.208	Trần bì			Trần bì			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	183,400	84	15,405,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
138	05V.211	Đan sâm			Đan sâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	729,600	196	143,256,960	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
139	05V.212	Đào nhân			Đào nhân			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	119,400	446	53,282,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
140	05V.296	Đương quy (Toàn quy)			Đương quy (Toàn quy)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,995,000	350	697,551,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
141	05V.214	Huyền hồ			Huyền hồ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	7,500	297	2,228,625	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
142	05V.215	Huyết giác			Huyết giác			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	168,000	169	28,400,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
143	05V.216	Ích mẫu			Ích mẫu			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	26,000	59	1,528,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
144	05V.217	Kê huyết đằng			Kê huyết đằng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,493,000	41	61,138,350	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
145	05V.218	Khương hoàng			Khương hoàng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	242,000	76	18,295,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
146	05V.220	Nga truật			Nga truật			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	5,000	107	535,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
147	05V.221	Ngưu tất			Ngưu tất			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,524,300	174	265,685,490	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
148	05V.225	Tô mộc			Tô mộc			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	38,000	42	1,596,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
149	05V.137	Xích thược			Xích thược			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	363,000	210	76,230,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
150	05V.226	Xuyên khung			Xuyên khung			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	600,000	194	116,550,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
151	05V.233	Tam thất (củ)			Tam thất (củ)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	143,000	1,499	214,414,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
152	05V.233	Tam thất (Bột)			Tam thất (Bột)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	2,000	2,032	4,063,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
153	05V.235	Trắc bách diệp			Trắc bách diệp			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	31,000	105	3,255,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
154	05V.236	Bạch linh (Phục linh)			Bạch linh (Phục linh)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,164,200	208	242,037,180	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
155	05V.238	Cỏ ngọt			Cỏ ngọt			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	73,000	118	8,584,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
156	05V.245	Kim tiền thảo			Kim tiền thảo			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	242,000	67	16,262,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
157	05V.254	Trạch tả			Trạch tả			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	119,000	101	11,995,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

158	05V.255	Trư linh			Trư linh			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	10,000	592	5,922,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
159	05V.256	Tỳ giải			Tỳ giải			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	225,800	91	20,626,830	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
160	05V.257	Xa tiền tử			Xa tiền tử			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	57,000	203	11,551,050	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
161	05V.258	Ý dĩ (sống)			Ý dĩ (sống)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	280,000	109	30,576,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
162	05V.258	Ý dĩ (sao)			Ý dĩ (sao)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	485,700	112	54,568,395	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
163	05V.272	Kê nội kim			Kê nội kim			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	57,000	84	4,788,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
164	05V.275	Mạch nha			Mạch nha			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	35,000	54	1,874,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
165	05V.278	Sơn tra			Sơn tra			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	112,000	76	8,467,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
166	05V.278	Sơn tra (Sao đen)			Sơn tra (Sao đen)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	15,700	95	1,483,650	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
167	05V.280	Khiếm thực			Khiếm thực			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	20,000	231	4,620,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
168	05V.282	Liên nhục			Liên nhục			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	666,800	98	65,113,020	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
169	05V.286	Ngũ vị tử			Ngũ vị tử			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	29,500	406	11,987,325	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
170	05V.290	Sơn thù			Sơn thù			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	138,000	308	42,455,700	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
171	05V.152	Bách hợp			Bách hợp			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	12,000	197	2,368,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
172	05V.295	Bạch thược			Bạch thược			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,363,000	169	230,415,150	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
173	05V.303	Câu kỷ tử			Câu kỷ tử			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,088,100	270	293,623,785	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
174	05V.298	Hà thủ ô đỏ			Hà thủ ô đỏ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,052,500	202	212,184,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
175	05V.305	Mạch môn			Mạch môn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	288,400	282	81,458,580	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
176	05V.307	Ngọc trúc			Ngọc trúc			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	124,500	311	38,694,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
177	05V.309	Sa sâm			Sa sâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	185,000	328	60,606,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
178	05V.311	Thiên môn đông			Thiên môn đông			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	45,000	350	15,734,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
179	05V.253	Thông thảo			Thông thảo			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	10,600	1,155	12,243,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
180	05V.267	Vừng đen			Vừng đen			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	4,000	133	533,400	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
181	05V.274	Lục thần khúc			Lục thần khúc			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	18,000	160	2,872,800	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
182	05V.276	Ô tặc cốt			Ô tặc cốt			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	49,500	258	12,785,850	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021

183	05V.281	Kim anh			Kim anh			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	20,200	214	4,326,840	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
184	05V.285	Mẫu lệ			Mẫu lệ			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	17,000	131	2,231,250	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
185	05V.287	Nhục đậu khấu			Nhục đậu khấu			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	1,000	788	787,500	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
186	05V.291	Tang phiêu tiêu			Tang phiêu tiêu			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	2,500	3,518	8,793,750	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
187	05V.293	Củ gai			Củ gai			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	2,500	84	210,000	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
188	05V.308	Quy bản			Quy bản			cổ phần dược Trung ương	Việt Nam	PE, trọng lượng không quá	gam	3,500	1,187	4,152,750	Công ty cổ phần dược Trung ương Meddiplantex	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
189	05V.4	Kinh giới			Kinh giới			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	47,000	84	3,948,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
190	05V.4	Kinh giới (sao đen)			Kinh giới (sao đen)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	19,000	87	1,655,850	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
191	05V.97	Thổ phục linh			Thổ phục linh			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	1,043,300	108	112,832,895	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
192	05V.98	Trinh nữ hoàng cung			Trinh nữ hoàng cung			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	121,500	90	10,971,450	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
193	05V.193	Thạch xương bồ			Thạch xương bồ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	43,000	271	11,648,700	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
194	05V.194	Chỉ thực (chỉ thực sao cám)			thực sao cám)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	25,000	64	1,601,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
195	05V.195	Chỉ xác (chỉ xác sao cám)			Chỉ xác (chỉ xác sao cám)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	44,000	61	2,679,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
196	05V.196	Hậu phác			Hậu phác			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	38,000	174	6,623,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
197	05V.198	Hương phụ			Hương phụ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	57,600	87	5,019,840	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
198	05V.321	Ích trí nhân			Ích trí nhân			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	18,000	210	3,780,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
199	05V.335	Nhân sâm			Nhân sâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	57,000	2,100	119,700,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
200	05V.323	Nhục thung dung			Nhục thung dung			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	66,000	940	62,023,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
201	05V.324	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)			Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp 1-5 Kg, hàn	gam	10,000	154	1,543,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Yên Bái	211/QĐ-SYT	18/5/2021
202	05V.47	Phòng phong			Phòng phong					Túi nilon từ 1 - 5kg	Gam	540,000	641	345,870,000	Công ty cổ phần dược Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Nghệ An	392/QĐ-SYT	8/4/2021
203	05V.47	Phòng phong			Phòng phong					Túi nilon từ 1 - 5kg	Gam	1,490,000	590	879,249,000	Công ty cổ phần dược Sơn Lâm	N3	G5	SYT	Nghệ An	392/QĐ-SYT	8/4/2021
204	05V.47	Phòng phong			Phòng phong					Túi nilon từ 1 - 5kg	Gam	2,357,000	798	1,880,886,000	Công ty cổ phần dược Sơn Lâm	N3	G4	SYT	Nghệ An	392/QĐ-SYT	8/4/2021
205	05V.40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Uống		(Thương nhĩ tử)			N	Việt Nam	Sao vàng bỏ gai	gam	103,000	89	9,192,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

206	05V.47	Phòng phong	Uống		Phòng phong	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	912,000	428	390,700,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
207	05V.53	Tần giao	Uống		Tần giao	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	686,000	573	393,283,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
208	05V.55	Trinh nữ (Xấu hổ)	Uống		Trinh nữ (Xấu hổ)			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	5,000	66	330,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
209	05V.61	Địa liền	Uống		Địa liền			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	17,000	172	2,927,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
210	05V.62	Đinh hương	Uống		Đinh hương	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Loại tạp, phơi sấy	gam	5,000	319	1,596,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
211	05V.64	Thảo quả	Uống		Thảo quả			N	Việt Nam	bóc vỏ, lấy hạt	gam	10,000	213	2,131,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
212	05V.68	Quế nhục	Uống		Quế nhục			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	8,000	110	882,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
213	05V.69	Bạch biển đậu	Uống		Bạch biển đậu			N	Việt Nam	Sao vàng	gam	33,000	82	2,702,700	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
214	05V.71	Hà diệp (Lá sen)	Uống		Hà diệp (Lá sen)			N	Việt Nam	Thái miếng	gam	41,000	57	2,324,700	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
215	05V.78	Bồ công anh	Uống		Bồ công anh			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	32,000	92	2,956,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
216	05V.84	Diệp hạ châu	Uống		Diệp hạ châu			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	37,000	57	2,097,900	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
217	05V.98	Trinh nữ hoàng cung	Uống		Trinh nữ hoàng cung			N	Việt Nam	khi cuống lá giòn	gam	45,000	82	3,685,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
218	05V.99	Xạ can (Rẻ quạt)	Uống		Xạ can (Rẻ quạt)			N	Việt Nam	Thái lát, phơi sấy	gam	5,000	270	1,349,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
219	05V.103	Cối xay	Uống		Cối xay			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	10,000	57	567,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
220	05V.110	Actiso	Uống		Actiso			N	Việt Nam	Sao phồng	gam	24,000	48	1,159,200	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
221	05V.112	Bán chi liên	Uống		Bán chi liên	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	51,000	71	3,641,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
222	05V.118	Hoàng liên	Uống		Hoàng liên	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	58,000	820	47,562,900	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
223	05V.119	Khổ sâm	Uống		Khổ sâm			N	Việt Nam	Cắt đoạn, phơi sấy	gam	10,000	65	651,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
224	05V.134	Sâm đại hành	Uống		Sâm đại hành			N	Việt Nam	phiến, phơi sấy	gam	10,000	131	1,312,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
225	05V.138	Bạch giới tử	Uống		Bạch giới tử			N	Việt Nam	Sao vàng	gam	10,000	82	819,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
226	05V.148	Thổ bối mẫu	Uống		Thổ bối mẫu	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	20,000	368	7,350,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
227	05V.151	Bách bộ	Uống		Bách bộ			N	Việt Nam	Chích mật	gam	40,000	98	3,906,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
228	05V.159	Kha tử	Uống		Kha tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Giã dập	gam	11,000	139	1,524,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

229	05V.162	Tang bạch bì	Uống		Tang bạch bì			N	Việt Nam	Chưng mật	gam	11,000	114	1,258,950	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
230	05V.170	Bạch tật lê	Uống		Bạch tật lê	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Bỏ gai sao vàng	gam	16,000	131	2,100,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
231	05V.183	Linh chi	Uống		Linh chi	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Dược liệu	gam	17,000	572	9,728,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
232	05V.205	Sa nhân	Uống		Sa nhân			N	Việt Nam	Dược liệu	gam	76,000	315	23,940,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
233	05V.216	Ích mẫu	Uống		Ích mẫu			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	72,000	40	2,872,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
234	05V.276	Ô tặc cốt	Uống		Ô tặc cốt			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	55,000	235	12,925,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
235	05V.1	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	100,000	260	26,029,500	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
236	05V.6	Quế chi	Uống		Quế chi			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	250,000	113	28,218,750	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
237	05V.41	Khương hoạt	Uống		Khương hoạt	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	281,000	1,155	324,555,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
238	05V.67	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Uống		(Hắc phụ, Bạch phụ)			N	Việt Nam	Đã chế biến	gam	18,000	273	4,914,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
239	05V.68	Quế nhục	Uống		Quế nhục			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	25,000	200	4,998,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
240	05V.74	Bạch hoa xà thiệt thảo	Uống		Bạch hoa xà thiệt thảo			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	61,000	86	5,252,100	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
241	05V.92	Liên kiều	Uống		Liên kiều	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	sao vàng, bỏ hạt	gam	105,000	336	35,280,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
242	05V.97	Thổ phục linh	Uống		Thổ phục linh			N	Việt Nam	Thái lát	gam	1,287,000	86	110,810,700	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
243	05V.114	Hoàng bá	Uống		Hoàng bá	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Chích muối ăn	gam	114,000	168	19,152,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
244	05V.290	Sơn thù	Uống		Sơn thù	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	231,000	263	60,637,500	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
245	05V.299	Long nhãn	Uống		Long nhãn			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	648,000	210	136,080,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
246	05V.301	Thục địa	Uống		Thục địa			N	Việt Nam	sa nhân, gừng,	gam	226,000	116	26,103,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
247	05V.303	Câu kỷ tử	Uống		Câu kỷ tử	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	598,000	210	125,580,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
248	05V.307	Ngọc trúc	Uống		Ngọc trúc	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	310,000	252	78,120,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

249	05V.309	Sa sâm	Uống		Sa sâm	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	361,000	287	103,480,650	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
250	05V.312	Ba kích	Uống		Ba kích			N	Việt Nam	Bỏ lõi	gam	80,000	655	52,399,200	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
251	05V.315	Cẩu tích	Uống		Cẩu tích			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	1,301,000	43	56,008,050	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
252	05V.316	Cốt toái bổ	Uống		Cốt toái bổ			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	1,233,000	86	106,161,300	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
253	05V.39	Hy thiêm	Uống		Hy thiêm			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	170,000	48	8,211,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
254	05V.44	Mộc qua	Uống		Mộc qua	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	291,000	126	36,666,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
255	05V.45	Ngũ gia bì chân chim	Uống		Ngũ gia bì chân chim			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	923,000	42	38,766,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
256	05V.49	Tang chi	Uống		Tang chi			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	187,000	34	6,283,200	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
257	05V.50	Tang ký sinh	Uống		Tang ký sinh			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	452,000	34	15,187,200	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
258	05V.58	Can khương	Uống		Can khương			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	21,000	128	2,690,100	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
259	05V.91	Kim ngân hoa	Uống		Kim ngân hoa	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	392,000	584	228,849,600	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
260	05V.106	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	61,000	134	8,198,400	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
261	05V.109	Tri mẫu	Uống		Tri mẫu	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	40,000	130	5,208,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
262	05V.124	Nhân trần	Uống		Nhân trần			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	181,000	57	10,262,700	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
263	05V.135	Sinh địa	Uống		Sinh địa	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Dược liệu	gam	1,300,000	103	133,770,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
264	05V.137	Xích thược	Uống		Xích thược	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	304,000	189	57,456,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
265	05V.141	Bán hạ nam (Củ chóc)	Uống		Bán hạ nam (Củ chóc)			N	Việt Nam	Tẩm gừng sao vàng	gam	63,000	116	7,276,500	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
266	05V.181	Lạc tiên	Uống		Lạc tiên			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	650,000	46	30,030,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
267	05V.190	Vông nem	Uống		Vông nem			N	Việt Nam	Thái đoạn	gam	140,000	57	7,938,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
268	05V.197	Hậu phác nam	Uống		Hậu phác nam			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	73,000	48	3,525,900	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
269	05V.211	Đan sâm	Uống		Đan sâm	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	1,307,000	168	219,576,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
270	05V.217	Kê huyết đằng	Uống		Kê huyết đằng			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	346,000	38	13,078,800	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
271	05V.210	Cỏ xước (Ngưu tất nam)	Uống		(Ngưu tất nam)			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	130,000	139	18,018,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
272	05V.233	Tam thất	Uống		Tam thất	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Dược liệu	gam	6,000	1,281	7,686,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
273	05V.245	Kim tiền thảo	Uống		Kim tiền thảo			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	217,000	55	11,848,200	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
274	05V.286	Ngũ vị tử	Uống		Ngũ vị tử	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	102,000	363	37,056,600	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
275	05V.295	Bạch thược	Uống		Bạch thược	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	1,543,000	149	230,061,300	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
276	05V.296	Đương quy (Toàn quy)	Uống		Đương quy (Toàn quy)	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	1,806,000	290	523,378,800	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
277	05V.312	Ba kích	Uống		Ba kích			N	Việt Nam	Bỏ lõi	gam	62,000	483	29,946,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

278	05V.333	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn			N	Việt Nam	Sao vàng với cám	gam	140,000	107	14,994,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
279	05V.29	Thăng ma	Uống		Thăng ma	T-YDCT; 7256/BYT-	T-YDCT; 7256/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	86,000	317	27,270,600	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
280	05V.46	Ngũ gia bì gai	Uống		Ngũ gia bì gai			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	20,000	101	2,016,000	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
281	05V.54	Thiên niên kiện	Uống		Thiên niên kiện			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	494,000	80	39,421,200	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
282	05V.65	Tiểu hồi	Uống		Tiểu hồi			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	5,000	171	855,750	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
283	05V.87	Đơn lá đỏ (Đơn mặt trời)	Uống		(Đơn mặt trời)			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	12,000	99	1,184,400	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
284	05V.88	Giảo cổ lam	Uống		Giảo cổ lam			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	30,000	103	3,087,000	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
285	05V.173	Địa long	Uống		Địa long			N	Việt Nam	rượu, gừng	gam	21,000	907	19,051,200	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
286	05V.203	Ô dược	Uống		Ô dược			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	5,000	137	682,500	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
287	05V.270	Dạ cẩm	Uống		Dạ cẩm			N	Việt Nam	Cắt đoạn	gam	20,000	78	1,554,000	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
288	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	221,000	87	19,260,150	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
289	05V.297	Đương quy (di thực)	Uống		Đương quy (di thực)			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	100,000	695	69,510,000	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
290	05V.298	Hà thủ ô đỏ	Uống		Hà thủ ô đỏ			N	Việt Nam	Chế với đậu đen	gam	265,000	201	53,145,750	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
291	05V.298	Hà thủ ô đỏ	Uống		Hà thủ ô đỏ			N	Việt Nam	Chế với đậu đen	gam	1,000,000	251	250,950,000	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
292	05V.342	Ô đầu	Uống		Ô đầu			N	Việt Nam	Dược liệu	gam	20,000	228	4,557,000	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
293	05V.24	Mạn kinh tử	Uống		Mạn kinh tử			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	15,000	116	1,732,500	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
294	05V.26	Phù bình	Uống		Phù bình			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	6,000	106	636,300	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
295	05V.60	Đại hồi	Uống		Đại hồi			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	40,000	152	6,090,000	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
296	05V.117	Hoàng đằng	Uống		Hoàng đằng	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	phiến, phơi sấy	gam	15,000	179	2,677,500	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
297	05V.172	Dừa cạn	Uống		Dừa cạn			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	30,000	116	3,465,000	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
298	05V.231	Huyết dụ	Uống		Huyết dụ			N	Việt Nam	Sao cháy	gam	11,000	131	1,443,750	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
299	05V.274	Lục thần khúc	Uống		Lục thần khúc			N	Việt Nam	Đã chế biến	gam	15,000	184	2,756,250	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
300	05V.339	Mã tiền	Uống		Mã tiền			N	Việt Nam	Dược liệu	gam	20,000	236	4,725,000	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
301	05V.11	Tô diệp	Uống		Tô diệp			N	Việt Nam	Loại tạp, phơi sấy	gam	10,000	48	483,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
302	05V.14	Bạc hà	Uống		Bạc hà			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	6,000	65	390,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
303	05V.17	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	298,000	270	80,415,300	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
304	05V.25	Ngưu bàng tử	Uống		Ngưu bàng tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	5,000	131	656,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

305	05V.28	Tang diệp	Uống		Tang diệp			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	5,000	65	325,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
306	05V.33	Cà gai leo	Uống		Cà gai leo			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	43,000	74	3,160,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
307	05V.37	Độc hoạt	Uống		Độc hoạt	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	669,000	207	138,382,650	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
308	05V.42	Lá lốt	Uống		Lá lốt			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	19,000	65	1,236,900	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
309	05V.171	Câu đằng	Uống		Câu đằng			N	Việt Nam	Đoạn có mấu	gam	423,000	164	69,287,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
310	05V.194	Chỉ thực	Uống		Chỉ thực			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	5,000	57	283,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
311	05V.214	Huyền hồ	Uống		Huyền hồ	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Giã giập	gam	166,000	289	47,932,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
312	05V.218	Khương hoàng/Uất kim	Uống		hoàng/Uất kim			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	118,000	74	8,673,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
313	05V.220	Nga truật	Uống		Nga truật			N	Việt Nam	Chích giấm	gam	11,000	74	808,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
314	05V.225	Tô mộc	Uống		Tô mộc			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	20,000	41	819,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
315	05V.228	Cỏ nhọ nồi	Uống		Cỏ nhọ nồi			N	Việt Nam	Sao cháy	gam	50,000	48	2,415,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
316	05V.232	Ngải cứu (Ngải diệp)	Uống		Ngải cứu (Ngải diệp)			N	Việt Nam	Cắt đoạn	gam	20,000	48	966,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
317	05V.235	Trắc bách diệp	Uống		Trắc bách diệp			N	Việt Nam	Sao cháy	gam	20,000	98	1,953,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
318	05V.239	Đại phúc bì	Uống		Đại phúc bì			N	Việt Nam	Cắt đoạn, phơi sấy	gam	5,000	48	241,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
319	05V.246	Mã đề	Uống		Mã đề			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	15,000	74	1,102,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
320	05V.247	Mộc thông	Uống		Mộc thông			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	30,000	48	1,449,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
321	05V.251	Râu ngô	Uống		Râu ngô			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	60,000	57	3,402,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
322	05V.268	Bạch đậu khấu	Uống		Bạch đậu khấu	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Loại tạp, phơi sấy	gam	5,000	385	1,926,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
323	05V.272	Kê nội kim	Uống		Kê nội kim			N	Việt Nam	Sao phồng	gam	161,000	82	13,185,900	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
324	05V.275	Mạch nha	Uống		Mạch nha			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	10,000	53	525,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
325	05V.278	Sơn tra	Uống		Sơn tra			N	Việt Nam	phiến sao qua	gam	102,000	74	7,497,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
326	05V.280	Khiếm thực	Uống		Khiếm thực	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	26,000	180	4,668,300	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
327	05V.281	Kim anh	Uống		Kim anh	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Bỏ hạt	gam	34,000	223	7,568,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
328	05V.305	Mạch môn	Uống		Mạch môn			N	Việt Nam	Bỏ lõi	gam	208,000	164	34,070,400	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
329	05V.311	Thiên môn đông	Uống		Thiên môn đông			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	234,000	344	80,589,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

330	05V.317	Dâm dương hoắc	Uống		Dâm dương hoắc	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	cắt đoạn , phơi khô	gam	46,000	273	12,558,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
331	05V.321	Ích trí nhân	Uống		Ích trí nhân	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Chế muối	gam	10,000	203	2,026,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
332	05V.324	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	Uống		Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	15,000	82	1,228,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
333	05V.331	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	1,489,000	344	512,811,600	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
334	05V.334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Uống		Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Chích mật	gam	1,025,000	196	201,258,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
335	05V.334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Uống		Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	180,000	196	35,343,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
336	05V.335	Nhân sâm	Uống		Nhân sâm	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B	Trung Quốc	Sao cách gao	gam	11,000	2,133	23,458,050	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
337	05V.346	Binh lang	Uống		Binh lang			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	110,000	89	9,817,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
338	05V.1	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	97,000	74	7,129,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
339	05V.4	Kinh giới	Uống		Kinh giới			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3cm	gam	46,000	68	3,139,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
340	05V.7	Sinh khương	Uống		Sinh khương			N	Việt Nam	Dược liệu	gam	210,000	57	11,907,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
341	05V.96	Sài đất	Uống		Sài đất			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	16,000	58	924,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
342	05V.102	Chi tử	Uống		Chi tử			N	Việt Nam	Sao vàng	gam	127,000	147	18,669,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
343	05V.182	Liên tâm	Uống		Liên tâm			N	Việt Nam	Sao vàng	gam	97,000	210	20,370,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
344	05V.104	Hạ khô thảo	Uống		Hạ khô thảo	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	15,000	173	2,598,750	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
345	05V.116	Hoàng cầm	Uống		Hoàng cầm			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	60,000	231	13,860,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
346	05V.130	Bạch mao căn	Uống		Bạch mao căn			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	99,000	63	6,237,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
347	05V.133	Mẫu đơn bì	Uống		Mẫu đơn bì	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	275,000	159	43,601,250	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

348	05V.135	Sinh địa	Uống		Sinh địa	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	177,000	113	20,071,800	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
349	05V.152	Bách hợp	Uống		Bách hợp	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	15,000	164	2,457,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
350	05V.156	Cát cánh	Uống		Cát cánh	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến, chích mật sao vàng	gam	77,000	225	17,301,900	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
351	05V.157	Hạnh nhân	Uống		Hạnh nhân	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Bỏ vỏ sao vàng	gam	39,000	242	9,418,500	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
352	05V.163	Tiền hồ	Uống		Tiền hồ	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Chích mật ong	gam	20,000	336	6,720,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
353	05V.176	Thiên ma	Uống		Thiên ma	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	31,000	945	29,295,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
354	05V.180	Bình vôi (Ngải tượng)	Uống		Bình vôi (Ngải tượng)			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	40,000	95	3,780,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
355	05V.182	Liên tâm	Uống		Liên tâm			N	Việt Nam	Sao vàng	gam	150,000	525	78,734,250	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
356	05V.185	Táo nhân	Uống		Táo nhân	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sao đen	gam	610,000	420	256,200,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
357	05V.187	Thảo quyết minh	Uống		Thảo quyết minh			N	Việt Nam	Sao đen	gam	316,000	38	11,944,800	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
358	05V.189	Viễn chí	Uống		Viễn chí	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Bỏ lõi	gam	129,000	861	111,069,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
359	05V.193	Thạch xương bồ	Uống		Thạch xương bồ			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	95,000	252	23,940,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
360	05V.195	Chỉ xác	Uống		Chỉ xác			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	89,000	55	4,859,400	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
361	05V.198	Hương phụ	Uống		Hương phụ			N	Việt Nam	Tứ chế	gam	347,000	80	27,690,600	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
362	05V.200	Mộc hương	Uống		Mộc hương	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	131,000	135	17,743,950	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
363	05V.208	Trần bì	Uống		Trần bì			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	260,000	76	19,656,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
364	05V.212	Đào nhân	Uống		Đào nhân	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Bỏ vỏ sao vàng	gam	143,000	315	45,045,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
365	05V.213	Hồng hoa	Uống		Hồng hoa	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	180,000	714	128,520,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
366	05V.215	Huyết giác	Uống		Huyết giác			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	183,000	152	27,861,750	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

367	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	257,000	158	40,477,500	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
368	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	1,100,000	194	213,328,500	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
369	05V.222	Nhũ hương	Uống		Nhũ hương	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Chích dấm	gam	50,000	189	9,450,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
370	05V.226	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	1,366,000	168	229,488,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
371	05V.230	Hoè hoa	Uống		Hoè hoa			N	Việt Nam	Sao vàng	gam	263,000	210	55,230,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
372	05V.236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Uống		Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Bỏ vỏ đen thái phiến	gam	1,061,000	158	167,107,500	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
373	05V.238	Cỏ ngọt	Uống		Cỏ ngọt			N	Việt Nam	Cắt đoạn 2-3 cm	gam	24,000	105	2,520,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
374	05V.254	Trạch tả	Uống		Trạch tả			N	Việt Nam	muối sao vàng	gam	499,000	79	39,296,250	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
375	05V.256	Tỳ giải	Uống		Tỳ giải			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	274,000	76	20,714,400	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
376	05V.257	Xa tiền tử	Uống		Xa tiền tử			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	344,000	184	63,210,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
377	05V.258	Ý dĩ	Uống		Ý dĩ	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sao vàng	gam	494,000	96	47,201,700	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
378	05V.269	Chè dây	Uống		Chè dây			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	46,000	84	3,864,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
379	05V.279	Thương truật	Uống		Thương truật	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sao vàng	gam	225,000	404	90,956,250	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
380	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục			N	Việt Nam	Sơ chế	gam	280,000	96	26,871,600	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
381	05V.285	Mẫu lệ	Uống		Mẫu lệ			N	Việt Nam	nghiền bột mịn	gam	11,000	68	750,750	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
382	05V.319	Đỗ trọng	Uống		Đỗ trọng	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Cạo bỏ vỏ, cắt dập thành	gam	1,628,000	116	188,034,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
383	05V.323	Nhục thung dung	Uống		Nhục thung dung	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	55,000	861	47,355,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
384	05V.327	Tục đoạn	Uống		Tục đoạn			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	930,000	160	148,428,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
385	05V.328	Bạch truật	Uống		Bạch truật	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sao vàng với cám	gam	1,119,000	168	187,992,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
386	05V.329	Cam thảo	Uống		Cam thảo	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	632,000	198	125,420,400	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
387	05V.330	Đại táo	Uống		Đại táo	T-YDCT, 7140/BYT-	T-YDCT, 7140/BYT-	B	Trung Quốc	Sơ chế	gam	1,366,000	79	107,572,500	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021

388	05V.333	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn			N	Việt Nam	Sao vàng với cám	gam	400,000	250	99,960,000	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
389	05V.6	Quế chi	Uống		Quế chi			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	158,000	42	6,636,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
390	05V.9	Tế tân	Uống		Tế tân	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	119,000	393	46,731,300	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
391	05V.15	Cát căn	Uống		Cát căn			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	234,000	63	14,742,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
392	05V.27	Sài hồ	Uống		Sài hồ	T-YDCT	T-YDCT	B	Trung Quốc	Thái phiến	gam	349,000	485	169,299,900	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
393	05V.35	Dây đau xương	Uống		Dây đau xương			N	Việt Nam	Thái phiến	gam	1,218,000	42	51,156,000	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Tuyên Quang	423/QĐ-SYT	20/5/2021
394	05V.297	Radix Angelicae acutilobae	chế (chích rượu, sao vàng),		Đương quy (di thực)			N		Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	832	747,600	622,003,200	Công ty CP dược phẩm Thành Phát	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
395	05V.226	Rhizoma Ligustici wallichii	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Xuyên khung			N		Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	1,320	380,100	501,732,000	Công ty CP dược phẩm Thành Phát	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
396	05V.312	Radix Morindae officinalis	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Rễ		Ba kích			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	143	1,143,870	163,573,410	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
397	05V.1	Radix Angelicae dahuricae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Bạch chỉ			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	100	261,240	26,124,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
398	05V.282	Semen Nelumbinis	chế (sao vàng), Hạt		Liên nhục			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	184	167,475	30,815,400	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
399	05V.182	Embryo Nelumbinis nuciferae	chế (sao qua), Mầm cây		Liên tâm			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	150	596,925	89,538,750	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
400	05V.6	Ramulus Cinnamomi	(cắt khúc phơi/sấy khô), Thân, cành		Quế chi			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	287	135,345	38,844,015	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
401	05V.68	Cortex Cinnamomi	(cắt khúc phơi/sấy khô), Vỏ cây		Quế nhục			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	26	229,845	5,975,970	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
402	05V.304	Rhizoma Polygonati	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Hoàng tinh			N		Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	35	234,150	8,195,250	Công ty CP dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
403	05V.41	Rhizoma et Radix Notopterygii	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Khương hoạt	T-YDCT; 7256/BYT-	T-YDCT; 7256/BYT-	B		Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	413	1,891,050	781,003,650	Công ty CP dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
404	05V.274	Massa medicata fermentata	(thái phiến phơi/sấy khô), Nhiều vị thuốc cho		Lục thần khúc			N		Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	20	201,600	4,032,000	Công ty CP dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
405	05V.301	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Thục địa			N		Túi PE hút chân không, từ 1-5kg	Kg	1,102	186,900	205,963,800	Công ty CP dược phẩm Thành Phát	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

406	05V.151	Radix Stemonae tuberosae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Bách bộ			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	28	189,525	5,306,700	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
407	05V.74	Herba Hedyotidis diffusae	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Bạch hoa xà thiệt thảo			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	40	105,525	4,221,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
408	05V.141	Rhizoma Typhonii trilobati	chế (chế gừng), Thân rễ		Bán hạ nam (Củ chóc)			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	30	157,500	4,725,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
409	05V.346	Semen Arecae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Hạt		Binh lang			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	75	126,000	9,450,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
410	05V.228	Herba Ecliptae	chế (sao đen), Phần trên mặt đất		Cỏ nhọ nồi			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	25	99,750	2,493,750	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
411	05V.262	Rhizoma Rhei	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Đại hoàng	7501/BYT-YDCT	7501/BYT-YDCT	B		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	14	157,500	2,205,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
412	05V.60	Fructus Illicii veri	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Quả		Đại hồi			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	125	210,000	26,250,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
413	05V.37	Radix Angelicae pubescentis	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Độc hoạt	7501/BYT-YDCT	7501/BYT-YDCT	B		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	905	315,000	285,075,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
414	05V.117	Caulis et Radix Fibraureae	(cắt khúc phơi/sấy khô), Thân rễ		Hoàng đằng	7501/BYT-YDCT	7501/BYT-YDCT	B		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	70	189,000	13,230,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
415	05V.160	Flos Tussilaginis farfarae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Hoa		Khoản đông hoa	7501/BYT-YDCT	7501/BYT-YDCT	B		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	15	724,500	10,867,500	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
416	05V.24	Fructus Viticis	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Quả		Mạn kinh tử			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	85	147,000	12,495,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
417	05V.285	Concha Ostreae	chế (nung), Vỏ Hàu		Mẫu lệ			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	5	57,750	288,750	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
418	05V.219	Myrrha	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Gôm nhựa		Một dược	7501/BYT-YDCT	7501/BYT-YDCT	B		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	20	325,500	6,510,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
419	05V.276	Os Sepiae	chế (sao vàng), Mai mực		Ô tặc cốt			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	20	236,250	4,725,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
420	05V.162	Cortex Mori albae radicis	chế (Đã phức chế (tẩm mật,		Tang bạch bì			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	17	126,000	2,142,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
421	05V.279	Rhizoma Atractylodis	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Thương truật	7501/BYT-YDCT	7501/BYT-YDCT	B		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	342	588,000	201,096,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

422	05V.235	Cacumen Platycladi	chế (sao đen),		Trắc bách diệp			N		Túi từ 1kg - 5kg	Kg	38	147,000	5,586,000	Công ty CP dược liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
423	05V.103	Herba Abutili indici	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Cối xay			N		đóng trong túi Nilon hàn kín, nhãn theo quy	Kg	5	110,250	551,250	Công ty CP dược phẩm Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
424	05V.342	Radix Aconiti	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ củ		Ô đầu			N		đóng trong túi Nilon hàn kín, nhãn	Kg	50	235,200	11,760,000	Công ty CP dược phẩm Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
425	05V.230	Flos Styphnolobii japonici	Sao đen, Nụ hoa		Hoè hoa (sao đen)			N		kín khí 1-5kg	Kg	47	240,000	11,280,000	Công ty CP dược phẩm Trường Thọ	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
426	05V.230	Flos Styphnolobii japonici	Sao vàng, Nụ hoa		Hoè hoa (sao vàng)			N		kín khí 1-5kg	Kg	182	240,000	43,680,000	Công ty CP dược phẩm Trường Thọ	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
427	05V.171	Ramulus cum unco Uncariae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Thân có gai móc		Câu đằng			N		Túi nilon từ 1-5 kg	Kg	299	273,000	81,627,000	Công ty CP dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
428	05V.196	Cortex Cinnamomi iners	(cắt khúc phơi/sấy khô), Vỏ thân, vỏ cành		Hậu phác			N		Túi nilon từ 1-5 kg	Kg	140	131,250	18,375,000	Công ty CP dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
429	05V.343	Alumen	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Bột		Phèn chua (Bạch phàn)			N		Túi nilon từ 1-5 kg	Kg	50	189,000	9,450,000	Công ty CP dược TW Mediplantex	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
430	05V.236	Poria	(thái phiến phơi/sấy khô), Nấm (mọc ký sinh trên một số loài		Bạch linh (phục linh)	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	1,702	228,000	388,056,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
431	05V.328	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Đã phức chế (chích rượu, sao vàng), Thân rễ		Bạch truật	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	436	182,000	79,352,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
432	05V.156	Radix Platycodi grandiflori	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Cát cánh	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	40	298,000	11,920,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
433	05V.303	Fructus Lycii	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Quả		Câu kỷ tử	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	711	246,000	174,906,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
434	05V.211	Radix Salviae miltiorrhizae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Đan sâm	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	455	209,000	95,095,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

435	05V.116	Radix Scutellariae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Hoàng cầm	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	90	298,000	26,820,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
436	05V.106	Radix Scrophulariae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Huyền sâm	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	57	134,000	7,638,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
437	05V.221	Radix Achyranthis bidentatae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Ngưu tất	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	1,553	189,000	293,517,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
438	05V.135	Radix Rehmanniae glutinosae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Sinh địa	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	420	134,000	56,280,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
439	05V.327	Radix Dipsaci	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Tục đoạn	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	475	209,000	99,275,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
440	05V.29	Rhizoma Cimicifugae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Thăng ma	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	60	380,000	22,800,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
441	05V.176	Rhizoma Gastrodiae elatae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Thiên ma	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	50	1,010,000	50,500,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
442	05V.311	Radix Asparagi cochinchinensis	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Củ		Thiên môn đông	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	22	510,000	11,220,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
443	05V.56	Radix et Rhizoma Clematidis	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Thân rễ		Uy linh tiên	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	230	450,000	103,500,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
444	05V.150	Bulbus Fritillariae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Rễ củ		Xuyên bối mẫu	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	2541/BYT-YDCT, 7488/BYT-YDCT,	B		Đóng túi PE, 1 - 5 kg, hút chân không	Kg	30	1,780,000	53,400,000	Công ty CP TM dược VTYT Khải Hà	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

445	05V.58	Rhizoma Zingiberis	(thái phiến, phơi, sấy khô), Thân rễ		Can khương			N		Túi nilon từ 1-5 kg	Kg	120	118,000	14,160,000	Công ty CP dược liệu Ninh Hiệp	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
446	05V.114	Cortex Phellodendri	(cắt khúc, phơi, sấy khô), Vỏ thân, vỏ cành		Hoàng bá	6607/BYT-YDCT	6607/BYT-YDCT	B		Túi nilon từ 1-5 kg	Kg	153	245,000	37,485,000	Công ty CP dược liệu Ninh Hiệp	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
447	05V.118	Rhizoma Coptidis	(cắt khúc, phơi, sấy khô), Thân rễ		Hoàng liên	6607/BYT-YDCT	6607/BYT-YDCT	B		Túi nilon từ 1-5 kg	Kg	110	838,500	92,235,000	Công ty CP dược liệu Ninh Hiệp	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
448	05V.213	Flos Carthami tinctorii	Đã sơ chế (phơi, sấy khô), Hoa		Hồng hoa	6607/BYT-YDCT	6607/BYT-YDCT	B		Túi nilon từ 1-5 kg	Kg	150	816,000	122,400,000	Công ty CP dược liệu Ninh Hiệp	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
449	05V.69	Semen Lablab	Đã phức chế (sao vàng), Hạt		Bạch biển đậu			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	20	87,150	1,743,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
450	05V.130	Rhizoma Imperatae cylindricae	(cắt khúc phơi/sấy khô), Thân rễ		Bạch mao căn			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	23	69,300	1,593,900	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
451	05V.295	Radix Paeoniae lactiflorae	chế (chích rượu, sao vàng), Rễ củ		Bạch thược	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	1,701	183,750	312,558,750	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
452	05V.112	Radix Scutellariae barbatae	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Bán chi liên	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	45	76,650	3,449,250	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
453	05V.78	Herba Lactucae indicae	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Lá		Bồ công anh			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	30	105,000	3,150,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
454	05V.329	Radix Glycyrrhizae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Cam thảo	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	464	262,500	121,800,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
455	05V.15	Radix Puerariae thomsonii	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Cát căn			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	60	87,150	5,229,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
456	05V.315	Rhizoma Cibotii	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Cẩu tích			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	95	52,500	4,987,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
457	05V.316	Rhizoma Drynariae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Cốt toái bổ			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	365	105,000	38,325,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
458	05V.17	Flos Chrysanthemi indici	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Hoa		Cúc hoa	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	230	288,750	66,412,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
459	05V.102	Fructus Gardeniae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Hạt		Chi tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	18	183,750	3,307,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

460	05V.194	Fructus Aurantii immaturus	chế (sao cám), Quả non		Chỉ thực (chỉ thực sao cám)			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	10	60,900	609,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
461	05V.195	Fructus Aurantii	Đã phức chế (sao cám), Quả		Chỉ xác (chỉ xác sao cám)			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	75	60,900	4,567,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
462	05V.317	Herba Epimedii	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Dâm dương hoắc	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	3	315,000	945,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
463	05V.84	Herba Phyllanthi urinariae	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Diệp hạ châu			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	35	60,900	2,131,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
464	05V.330	Fructus Ziziphi jujubae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Quả		Đại táo	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	587	95,550	56,087,850	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
465	05V.212	Semen Pruni	chế (sao vàng giữ vỏ/sao vàng bỏ vỏ/ép loại		Đào nhân (Đàn đào nhân)	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	175	468,300	81,952,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
466	05V.331	Radix Codonopsis	Đã phức chế (chích gừng), Rễ		Đẳng sâm (Đẳng sâm sao)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	795	367,500	292,162,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
467	05V.173	Pheretima	chế (chích rượu/ gừng, sao qua), Toàn thân		Địa long			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	150	1,137,150	170,572,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
468	05V.319	Cortex Eucommiae	(cắt khúc phơi/sấy khô), Vỏ thân		Đỗ trọng	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	1,468	157,500	231,210,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
469	05V.296	Radix Angelicae sinensis	Đã phức chế (chích rượu), Rễ		(Toàn quy, Quy đầu. Quy vỹ/quy râu)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	942	384,300	362,010,600	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
470	05V.298	Radix Fallopiae multiflorae	Đã phức chế (chế đậu đen), Rễ		Hà thủ ô đỏ (hà thủ ô đỏ chế)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	325	218,400	70,980,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
471	05V.157	Semen Armeniacae amarum	Đã phức chế (sao vàng), Hạt		Hạnh nhân	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	35	297,150	10,400,250	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
472	05V.333	Tuber Dioscoreae persimilis	chế (sao vàng), Rễ củ		Hoài sơn			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	887	139,650	123,869,550	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
473	05V.334	Radix Astragali membranacei	Đã phức chế (chích mật, sao vàng), Rễ		Hoàng kỳ	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	410	210,000	86,100,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

474	05V.214	Tuber Corydalis	(dập nát, phơi/sấy khô), Thân rễ		Huyền hồ	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	55	307,650	16,920,750	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
475	05V.198	Rhizoma Cyperi	chế (tứ chế), Thân rễ		Hương phụ			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	89	87,150	7,756,350	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
476	05V.39	Herba Siegesbeckiae	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Hy thiêm			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	155	60,900	9,439,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
477	05V.321	Fructus Alpiniae oxyphyllae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Quả		Ích trí nhân	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	4	216,300	865,200	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
478	05V.217	Caulis Spatholobi	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Kê huyết đằng			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	279	43,050	12,010,950	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
479	05V.272	Endothelium Corneum Gigeriae Galli	chế (sao vàng), Lớp màng trong mề gà		Kê nội kim			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	28	87,150	2,440,200	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
480	05V.91	Flos Lonicerae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Hoa		Kim ngân hoa	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	87	646,800	56,271,600	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
481	05V.280	Semen Euryales	Đã phức chế (sao vàng), Hạt		Khiếm thực	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	8	192,150	1,537,200	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
482	05V.218	Rhizoma et Radix Curcumae longae	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ củ		Khương hoàng			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	290	78,750	22,837,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
483	05V.181	Herba Passiflorae	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Lạc tiên			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	285	60,900	17,356,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
484	05V.92	Fructus Forsythiae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Quả		Liên kiều	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	59	436,800	25,771,200	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
485	05V.299	Arillus Longan	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Áo hạt sấy khô		Long nhãn			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	290	297,150	86,173,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
486	05V.305	Radix Ophiopogonis japonici	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Củ		Mạch môn	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	174	297,150	51,704,100	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
487	05V.133	Cortex Paeoniae suffruticosae	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Vỏ rễ		Mẫu đơn bì	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	768	210,000	161,280,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

488	05V.44	Fructus Chaenomelis speciosae	(thái lát dọc quả, phơi/sấy khô), Quả		Mộc qua	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	415	157,500	65,362,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
489	05V.307	Rhizoma Polygonati odorati	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Ngọc trúc	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	75	326,550	24,491,250	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
490	05V.45	Cortex Schefflerae heptaphyllae	(thái phiến phơi/sấy khô), Vỏ thân, cành		Ngũ gia bì chân chim			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	197	60,900	11,997,300	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
491	05V.286	Fructus Schisandrae	chế (chích mật, sao phồng), Quả		Ngũ vị tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	31	420,000	13,020,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
492	05V.124	Herba Adenosmatis caerulei	Đã sơ chế (cắt khúc phơi/sấy khô), Phần trên mặt đất		Nhân trần			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	91	78,750	7,166,250	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
493	05V.323	Herba Cistanches	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân có chất thịt, có vảy		Nhục thung dung	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	40	1,002,750	40,110,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
494	05V.47	Radix Saposhnikoviae divaricatae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Phòng phong	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	1,463	438,900	642,110,700	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
495	05V.184	Poria	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Nấm rễ cây thông		Phục thần	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	T-YDCT; 7402/BYT-YDCT	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	271	315,000	85,365,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
496	05V.205	Fructus Amomi	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Quả		Sa nhân			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	5	349,650	1,748,250	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
497	05V.309	Radix Glehniae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Sa sâm	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	45	349,650	15,734,250	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
498	05V.27	Radix Bupleuri	(cắt khúc phơi/sấy khô), Thân rễ		Sài hồ bắc	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	118	664,650	78,428,700	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
499	05V.290	Fructus Corni officinalis	chế (tẩm rượu chưng), Quả		Sơn thù (từu sơn thù)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	514	323,400	166,227,600	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
500	05V.278	Fructus Mali	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Quả		Sơn tra			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	30	78,750	2,362,500	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
501	05V.49	Ramulus Mori albae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Thân, cành		Tang chi			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	42	43,050	1,808,100	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

502	05V.50	Herba Loranthi gracilifolii	(cắt khúc phơi/sấy khô), Cả cây trừ rễ		Tang ký sinh			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	1,046	52,500	54,915,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
503	05V.185	Semen Ziziphi mauritianae	Đã phức chế (sao đen), Hạt		Táo nhân (toan táo nhân)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	828	630,000	521,640,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
504	05V.53	Radix Gentianae macrophyllae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Tần giao	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	1,214	612,150	743,150,100	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
505	05V.256	Rhizoma Dioscoreae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Tỳ giải			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	54	95,550	5,159,700	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
506	05V.193	Rhizoma Acori graminei	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Thạch xương bồ			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	112	279,300	31,281,600	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
507	05V.187	Semen Cassiae torae	chế (sao đen), Hạt		Thảo quyết minh			N		lớp, 1-5 Kg	Kg	588	43,050	25,313,400	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
508	05V.136	Radix Trichosanthis	Đã sơ chế (thái phiến phơi/sấy khô), Rễ		Thiên hoa phấn	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	32	121,800	3,897,600	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
509	05V.54	Rhizoma Homalomenae occultae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Thiên niên kiện			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	260	131,250	34,125,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
510	05V.97	Rhizoma Smilacis glabrae	(thái phiến phơi/sấy khô), Thân rễ		Thổ phục linh			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	753	113,400	85,390,200	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
511	05V.40	Fructus Xanthii strumarii	chế (sao cháy gai), Quả		Thương nhĩ tử (Ké đầu ngựa)			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	46	95,550	4,395,300	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
512	05V.254	Rhizoma Alismatis	chế (sao vàng/chích muối), Thân rễ		Trạch tả			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	875	105,000	91,875,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
513	05V.208	Pericarpium Citri reticulatae perenne	chế (sao vàng), Vỏ quả		Trần bì			N		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	214	87,150	18,650,100	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
514	05V.109	Rhizoma Anemarrhenae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Thân rễ		Tri mẫu	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	28	148,050	4,145,400	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
515	05V.189	Radix Polygalae	chế (sao cám/chích cam thảo), Rễ		Viễn chí	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	260	1,050,000	273,000,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
516	05V.257	Semen Plantaginis	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Hạt		Xa tiền tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	50	210,000	10,500,000	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
517	05V.137	Radix Paeoniae	Đã sơ chế (phơi/sấy khô), Rễ		Xích thược	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	139	226,800	31,525,200	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021

518	05V.258	Semen Coicis	Đã phức chế (sao vàng), Hạt		Ý dĩ	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-	B		Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Kg	392	121,800	47,745,600	Công ty CP dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Cao Bằng	945/QĐ-SYT	26/5/2021
519	05V.1	Bạch chỉ			Bạch chỉ			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	89,000	91	8,130,150	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
520	05V.169	Bạch cương tàm			Bạch cương tàm			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	10,000	633	6,331,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
521	05V.236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)			Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	712,000	200	142,044,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
522	05V.295	Bạch thược			Bạch thược			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí từ 1-5kg	gam	712,000	160	113,635,200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
523	05V.328	Bạch truật			Bạch truật			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	712,000	158	112,140,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
524	05V.156	Cát cánh			Cát cánh			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	42,000	278	11,686,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
525	05V.171	Câu đằng			Câu đằng			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí từ 1-5kg	gam	52,000	200	10,374,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
526	05V.194	Chỉ thực			Chỉ thực			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	13,000	78	1,014,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
527	05V.195	Chỉ xác			Chỉ xác			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	70,000	65	4,557,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
528	05V.104	Hạ khô thảo			Hạ khô thảo			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	30,000	234	7,024,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
529	05V.298	Hà thủ ô đỏ			Hà thủ ô đỏ			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	398,000	228	90,744,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
530	05V.333	Hoài sơn			Hoài sơn			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	598,000	95	56,511,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
531	05V.116	Hoàng cầm			Hoàng cầm			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	36,000	263	9,450,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
532	05V.244	Hoạt thạch			Hoạt thạch			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	10,000	85	850,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

533	05V.230	Hòe hoa			Hòe hoa			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	60,000	152	9,120,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
534	05V.213	Hồng hoa			Hồng hoa			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	516,000	704	363,006,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
535	05V.198	Hương phụ			Hương phụ			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	46,000	75	3,429,300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
536	05V.214	Huyền hồ			Huyền hồ			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	30,000	608	18,238,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
537	05V.106	Huyền sâm			Huyền sâm			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	316,000	100	31,521,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
538	05V.215	Huyết giác			Huyết giác			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	100,000	159	15,855,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
539	05V.321	Ích trí nhân			Ích trí nhân			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	60,000	484	29,043,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
540	05V.124	Nhân trần			Nhân trần			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	68,000	83	5,640,600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
541	05V.222	Nhũ hương			Nhũ hương			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	50,000	289	14,437,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
542	05V.203	Ô dược			Ô dược			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	200,000	147	29,400,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
543	05V.47	Phòng phong			Phòng phong			TNHH Dược phẩm Fitophar	Việt Nam	Túi PE 1 kg	gam	678,000	452	306,117,000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM FITOPHARMA	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
544	05V.255	Trư linh			Trư linh			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	50,000	989	49,455,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
545	05V.256	Tỳ giải			Tỳ giải			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	20,000	135	2,709,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
546	05V.218	Uất kim			Uất kim			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	50,000	175	8,767,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
547	05V.14	Bạc hà			Bạc hà			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	28,000	70	1,960,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
548	05V.217	Kê huyết đằng			Kê huyết đằng			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	640,000	42	26,880,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
549	05V.272	Kê nội kim			Kê nội kim			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	40,000	202	8,064,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

550	05V.159	Kha tử			Kha tử			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	10,000	115	1,150,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
551	05V.280	Khiếm thực			Khiếm thực			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	56,000	369	20,638,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
552	05V.218	Khương hoàng			Khương hoàng			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	500,000	88	44,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
553	05V.41	Khương hoạt			Khương hoạt			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	542,000	995	539,506,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
554	05V.281	Kim anh			Kim anh			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	50,000	248	12,390,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
555	05V.91	Kim ngân hoa			Kim ngân hoa			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	316,000	630	199,080,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
556	05V.245	Kim tiền thảo			Kim tiền thảo			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	168,000	48	8,064,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
557	05V.4	Kinh giới			Kinh giới			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	56,000	122	6,820,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
558	05V.161	La bạc tử			La bạc tử			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	30,000	142	4,252,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
559	05V.42	Lá lốt			Lá lốt			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	18,000	75	1,341,900	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
560	05V.92	Liên kiều			Liên kiều			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	216,000	418	90,266,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
561	05V.282	Liên nhục			Liên nhục			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	58,000	105	6,090,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
562	05V.182	Liên tâm			Liên tâm			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	30,000	269	8,064,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
563	05V.120	Long đởm thảo			Long đởm thảo			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	26,000	529	13,759,200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
564	05V.299	Long nhãn			Long nhãn			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	148,000	250	37,000,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

565	05V.246	Mã đề			Mã đề			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	48,000	103	4,939,200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
566	05V.305	Mạch môn			Mạch môn			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	62,000	218	13,516,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
567	05V.133	Mẫu đơn bì			Mẫu đơn bì			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	480,000	242	116,160,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
568	05V.220	Nga truật			Nga truật			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	46,000	98	4,508,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
569	05V.232	Ngải cứu (Ngải diệp)			Ngải cứu (Ngải diệp)			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	17,000	78	1,326,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
570	05V.63	Ngô thù du			Ngô thù du			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	20,000	585	11,697,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
571	05V.307	Ngọc trúc			Ngọc trúc			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	10,000	355	3,549,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
572	05V.45	Ngũ gia bì chân chim			Ngũ gia bì chân chim			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	406,000	45	18,270,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
573	05V.286	Ngũ vị tử			Ngũ vị tử			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	58,000	482	27,953,100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
574	05V.221	Ngưu tất			Ngưu tất			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	698,000	147	102,606,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
575	05V.335	Nhân sâm			Nhân sâm			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	16,000	1,950	31,197,600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
576	05V.323	Nhục thung dung			Nhục thung dung			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	50,000	910	45,517,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
577	05V.6	Quế chi			Quế chi			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	236,000	38	8,968,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
578	05V.68	Quế nhục			Quế nhục			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	72,000	108	7,776,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

579	05V.96	Sài đất			Sài đất			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	6,000	85	510,300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
580	05V.27	Sài hồ			Sài hồ			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	126,000	599	75,411,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
581	05V.278	Sơn tra			Sơn tra			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	50,000	103	5,145,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
582	05V.223	Tam lăng			Tam lăng			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	40,000	255	10,206,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
583	05V.233	Tam thất			Tam thất			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	20,000	1,548	30,960,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
584	05V.8	Tân di			Tân di			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	230,000	252	57,960,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
585	05V.53	Tần giao			Tần giao			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	340,000	608	206,720,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
586	05V.162	Tang bạch bì			Tang bạch bì			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	30,000	130	3,906,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
587	05V.49	Tang chi			Tang chi			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	218,000	36	7,782,600	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
588	05V.279	Thương truật			Thương truật			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	316,000	457	144,333,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
589	05V.30	Thuyền thoái			Thuyền thoái			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	5,000	1,120	5,601,750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
590	05V.11	Tô diệp			Tô diệp			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	20,000	98	1,953,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
591	05V.225	Tô mộc			Tô mộc			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	50,000	72	3,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
592	05V.164	Tô tử			Tô tử			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	20,000	163	3,255,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

593	05V.254	Trạch tả			Trạch tả			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	392,000	112	43,904,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
594	05V.208	Trần bì			Trần bì			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	72,000	74	5,292,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
595	05V.109	Tri mẫu			Tri mẫu			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	82,000	200	16,359,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
596	05V.189	Viễn chí			Viễn chí			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	20,000	890	17,808,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
597	05V.184	Phục thần			Phục thần			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	240,000	308	73,836,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
598	05V.308	Quy bản			Quy bản			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	50,000	925	46,252,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
599	05V.250	Râu mèo			Râu mèo			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	28,000	72	2,016,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
600	05V.205	Sa nhân			Sa nhân			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí từ 1-5kg	gam	100,000	310	31,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
601	05V.309	Sa sâm			Sa sâm			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	120,000	268	32,130,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
602	05V.138	Bạch giới tử			Bạch giới tử			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	20,000	161	3,213,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
603	05V.114	Hoàng bá			Hoàng bá			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	46,000	230	10,577,700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
604	05V.334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)			Hoàng kỳ (Bạch kỳ)			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	898,000	230	206,495,100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
605	05V.118	Hoàng liên			Hoàng liên			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	36,000	998	35,928,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
606	05V.39	Hy thiêm			Hy thiêm			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	228,000	85	19,380,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

607	05V.216	Ích mẫu			Ích mẫu			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	36,000	58	2,088,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
608	05V.40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)			Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	226,000	68	15,368,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
609	05V.285	Mẫu lệ			Mẫu lệ			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	20,000	137	2,730,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
610	05V.200	Mộc hương			Mộc hương			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	186,000	189	35,154,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
611	05V.44	Mộc qua			Mộc qua			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	306,000	200	61,047,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
612	05V.219	Một dược			Một dược			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	50,000	218	10,920,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
613	05V.28	Tang diệp			Tang diệp			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	32,000	48	1,536,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
614	05V.50	Tang ký sinh			Tang ký sinh			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	698,000	38	26,524,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
615	05V.185	Táo nhân			Táo nhân			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	266,000	430	114,373,350	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
616	05V.9	Tế tân			Tế tân			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	226,000	458	103,508,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
617	05V.186	Thạch quyết minh			Thạch quyết minh			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	36,000	138	4,951,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
618	05V.252	Thạch vĩ			Thạch vĩ			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	20,000	207	4,137,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
619	05V.193	Thạch xương bồ			Thạch xương bồ			cổ phần công nghệ cao Traphaco - Traphac	Việt Nam	≤10 Kg/ túi kín	gam	20,000	262	5,240,000	LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
620	05V.29	Thăng ma			Thăng ma			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	110,000	315	34,650,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
621	05V.187	Thảo quyết minh			Thảo quyết minh			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	110,000	42	4,620,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

622	05V.176	Thiên ma			Thiên ma			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	30,000	1,238	37,138,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
623	05V.311	Thiên môn đông			Thiên môn đông			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	50,000	442	22,102,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
624	05V.54	Thiên niên kiện			Thiên niên kiện			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	432,000	92	39,744,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
625	05V.97	Thổ phục linh			Thổ phục linh			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	442,000	116	51,272,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
626	05V.98	Trinh nữ hoàng cung			Trinh nữ hoàng cung			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	28,000	84	2,352,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
627	05V.327	Tục đoạn			Tục đoạn			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	420,000	191	80,262,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
628	05V.189	Viễn chí			Viễn chí			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	232,000	980	227,278,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
629	05V.267	Vừng đen			Vừng đen			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	12,000	98	1,171,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
630	05V.257	Xa tiền tử			Xa tiền tử			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	220,000	215	47,355,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
631	05V.137	Xích thược			Xích thược			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	632,000	173	109,494,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
632	05V.226	Xuyên khung			Xuyên khung			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	698,000	154	107,492,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
633	05V.258	Ý dĩ			Ý dĩ			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	248,000	98	24,304,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
634	05V.329	Cam thảo			Cam thảo			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	98,000	200	19,551,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
635	05V.135	Sinh địa			Sinh địa			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	38,000	126	4,788,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
636	05V.312	Ba kích			Ba kích			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	42,000	623	26,151,300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
637	05V.179	Bá tử nhân			Bá tử nhân			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	41,000	680	27,896,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
638	05V.151	Bách bộ			Bách bộ			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	17,000	145	2,463,300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

639	05V.152	Bách hợp			Bách hợp			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	3,000	299	897,750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
640	05V.130	Bạch mao căn			Bạch mao căn			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	72,000	99	7,106,400	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
641	05V.170	Bạch tật lê			Bạch tật lê			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	20,000	156	3,129,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
642	05V.78	Bồ công anh			Bồ công anh			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	60,000	110	6,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
643	05V.329	Cam thảo			Cam thảo			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	592,000	189	111,888,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
644	05V.58	Can khương			Can khương			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	52,000	132	6,864,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
645	05V.15	Cát căn			Cát căn			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	32,000	67	2,150,400	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
646	05V.303	Câu kỷ tử			Câu kỷ tử			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	412,000	236	97,335,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
647	05V.69	Bạch biển đậu			Bạch biển đậu			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	12,000	90	1,083,600	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
648	05V.315	Cẩu tích			Cẩu tích			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	412,000	55	22,495,200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
649	05V.228	Cỏ nhọ nồi			Cỏ nhọ nồi			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	32,000	72	2,318,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
650	05V.316	Cốt toái bổ			Cốt toái bổ			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	592,000	93	55,322,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
651	05V.17	Cúc hoa			Cúc hoa			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	72,000	456	32,810,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
652	05V.262	Đại hoàng			Đại hoàng			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	9,000	215	1,937,250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
653	05V.239	Đại phúc bì			Đại phúc bì			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	11,000	98	1,074,150	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
654	05V.330	Đại táo			Đại táo			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	718,000	81	58,050,300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
655	05V.317	Dâm dương hoắc			Dâm dương hoắc			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	66,000	312	20,582,100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021

656	05V.211	Đan sâm			Đan sâm			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí từ 1-5kg	gam	630,000	250	157,437,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
657	05V.331	Đảng sâm			Đảng sâm			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí từ 1-5kg	gam	732,000	349	255,175,200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
658	05V.212	Đào nhân			Đào nhân			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	516,000	441	227,556,000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
659	05V.35	Dây đau xương			Dây đau xương			Cổ phần Đông Y Dược Thăng	Việt Nam	trong túi PE, hàn kín, hút chân	gam	718,000	40	28,648,200	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
660	05V.173	Địa long			Địa long			cổ phần dược phẩm Khang	Việt Nam	trong túi PE hàn kín, hút chân	gam	300,000	998	299,250,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG MINH	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
661	05V.83	Diếp cá (Ngư tinh thảo)			Diếp cá (Ngư tinh thảo)			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	62,000	85	5,273,100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
662	05V.84	Diệp hạ châu			Diệp hạ châu			CP Dược Trung Ương	Việt Nam	Túi PE hút chân không	gam	62,000	65	4,030,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
663	05V.319	Đỗ trọng			Đỗ trọng			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	718,000	121	86,698,500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
664	05V.37	Độc hoạt			Độc hoạt			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	718,000	231	165,858,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
665	05V.296	Đương quy (Toàn quy)			Đương quy (Toàn quy)			Trường Thọ	Việt Nam	Túi PE kín khí từ 1-5kg	gam	738,000	294	216,972,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
666	05V.71	Hà diệp (Lá sen)			Hà diệp (Lá sen)			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	5,000	88	441,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
667	05V.157	Hạnh nhân			Hạnh nhân			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	20,000	315	6,300,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
668	05V.135	Sinh địa			Sinh địa			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	từ 1 - 5 kg, hút chân không	gam	632,000	126	79,632,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
669	05V.290	Sơn thù			Sơn thù			cổ phần Dược Sơn Lâm	Việt Nam	từ 1 - 5kg, có nhãn mác	gam	472,000	358	168,999,600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
670	05V.134	Sâm đại hành			Sâm đại hành			CP Dược phẩm	Việt Nam	hàn kín, hút chân không, từ	gam	18,000	140	2,513,700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	N3	G5	SYT	Bình Phước	388/QĐ-SYT	24/5/2021
671	05V.258	Ý dĩ	Uống		Ý dĩ			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	135,000	97	13,095,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
672	05V.44	Mộc qua	Uống		Mộc qua			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	35,000	123	4,299,750	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021

673	05V.9	Tế tân	Uống		Tế tân			SHAN JIANHE TRADITIONAL CHINESE	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 01 - 05 kg	Gam	60,000	426	25,548,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
674	05V.163	Tiền hồ	Uống		Tiền hồ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	10,000	381	3,811,500	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
675	05V.187	Thảo quyết minh	Uống		Thảo quyết minh			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	40,000	36	1,420,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
676	05V.254	Trạch tả	Uống		Trạch tả			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	5,000	105	525,000	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
677	05V.235	Trắc bách diệp	Uống		Trắc bách diệp			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	10,000	84	840,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
678	05V.150	Xuyên bối mẫu	Uống		Xuyên bối mẫu			TNHH Đông dược	Việt Nam	1-5KG/túi nilon	Gam	10,000	1,890	18,900,000	Công Ty Tnhh Đông Dược Đồng Hưng Đường	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
679	05V.312	Ba kích	Uống		Ba kích			cổ phần Dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	57,000	984	56,073,750	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
680	05V.1	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	45,000	257	11,571,750	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
681	05V.17	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	7,000	850	5,951,750	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
682	05V.297	Đương quy (di thực)	Uống		Đương quy (di thực)			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	350,000	305	106,750,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
683	05V.333	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	220,000	273	60,038,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
684	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	10,000	273	2,729,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
685	05V.182	Liên tâm	Uống		Liên tâm			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	5,000	540	2,698,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
686	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	300,000	478	143,295,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
687	05V.6	Quế chi	Uống		Quế chi			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	25,000	127	3,173,750	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
688	05V.151	Bách bộ	Uống		Bách bộ			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	10,000	88	880,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
689	05V.328	Bạch truật	Uống		Bạch truật			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	150,000	120	18,000,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
690	05V.180	Bình vôi (Ngải tượng)	Uống		Bình vôi (ngải tượng)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	11,000	89	981,750	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
691	05V.329	Cam thảo	Uống		Cam thảo			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	265,000	140	37,100,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
692	05V.303	Câu kỷ tử	Uống		Câu kỷ tử			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	208,000	178	37,024,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
693	05V.58	Can khương	Uống		Can khương			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	18,000	108	1,944,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
694	05V.156	Cát cánh	Uống		Cát cánh			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	25,000	170	4,250,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
695	05V.102	Chỉ tử	Uống		Chỉ tử			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	15,000	98	1,464,750	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
696	05V.194	Chỉ thực	Uống		Chỉ thực			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	18,000	55	982,800	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
697	05V.195	Chỉ xác	Uống		Chỉ xác			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	20,000	54	1,080,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
698	05V.262	Đại hoàng	Uống		Đại hoàng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	65,000	162	10,510,500	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
699	05V.211	Đan sâm	Uống		Đan sâm			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	115,000	146	16,790,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021

700	05V.331	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	480,000	246	118,080,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
701	05V.331	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	55,000	295	16,227,750	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
702	05V.297	Đương quy (di thực)	Uống		Đương quy			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	80,000	212	16,960,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
703	05V.297	Đương quy (di thực)	Uống		Đương quy			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	200,000	265	53,000,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
704	05V.157	Hạnh nhân	Uống		Hạnh nhân			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	16,000	180	2,880,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
705	05V.196	Hậu phác	Uống		Hậu phác			cổ phần dược	Trung Quốc	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	11,000	126	1,386,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
706	05V.114	Hoàng bá	Uống		Hoàng bá			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	18,000	175	3,150,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
707	05V.116	Hoàng cầm	Uống		Hoàng cầm			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	20,000	230	4,600,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
708	05V.118	Hoàng liên	Uống		Hoàng liên			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	5,000	967	4,835,250	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
709	05V.230	Hoè hoa	Uống		Hòe hoa			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	25,000	158	3,950,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
710	05V.106	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm			JISHAN TANG TRADITIONAL CHINESE MEDICI	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 01 - 05 kg	Gam	130,000	98	12,740,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
711	05V.198	Hương phụ	Uống		Hương phụ			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	36,000	61	2,192,400	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
712	05V.281	Kim anh	Uống		Kim anh			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	10,000	191	1,911,000	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
713	05V.41	Khương hoạt	Uống		Khương hoạt			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	135,000	1,030	139,050,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
714	05V.92	Liên kiều	Uống		Liên kiều			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	25,000	353	8,812,500	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
715	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	26,000	95	2,470,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
716	05V.233	Tam thất	Uống		Tam thất			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	5,000	1,148	5,738,250	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
717	05V.162	Tang bạch bì	Uống		Tang bạch bì			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	17,000	97	1,649,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
718	05V.185	Táo nhân	Uống		Táo nhân			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	140,000	389	54,460,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
719	05V.109	Tri mẫu	Uống		Tri mẫu			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	11,000	135	1,489,950	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
720	05V.189	Viễn chí	Uống		Viễn chí			cổ phần dược	Trung Quốc	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	95,000	840	79,800,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
721	05V.68	Quế nhục	Uống		Quế nhục			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	8,000	190	1,519,600	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
722	05V.254	Trạch tả	Uống		Trạch tả			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	305,000	279	85,156,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
723	05V.226	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	400,000	230	92,000,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N1	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
724	05V.312	Ba kích	Uống		Ba kích			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	20,000	380	7,600,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
725	05V.69	Bạch biển đậu	Uống		Bạch biển đậu			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	15,000	66	990,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
726	05V.1	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	5,000	86	430,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021

727	05V.295	Bạch thược	Uống		Bạch thược			SHAN JIANHE TRADITIONAL CHINESE	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 01 - 05 kg	Gam	440,000	118	51,920,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
728	05V.328	Bạch truật	Uống		Bạch truật			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	350,000	148	51,800,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
729	05V.212	Đào nhân	Uống		Đào nhân			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	10,000	268	2,680,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
730	05V.212	Đào nhân	Uống		Đào nhân			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	25,000	430	10,750,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
731	05V.131	Địa cốt bì	Uống		Địa cốt bì			cổ phần dược	Trung Quốc	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	17,000	440	7,479,150	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
732	05V.37	Độc hoạt	Uống		Độc hoạt			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	260,000	178	46,280,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
733	05V.200	Mộc hương	Uống		Mộc hương			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	33,000	147	4,851,000	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
734	05V.218	Khương hoàng/Uất kim	Uống		Khương hoàng)			CP DP Thành	Việt Nam	hút chân không từ	Gam	35,000	73	2,555,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
735	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	260,000	150	39,000,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
736	05V.135	Sinh địa	Uống		Sinh địa			SHAN JIANHE TRADITIONAL CHINESE	Trung Quốc	Túi PE hút chân không từ 01 - 05 kg	Gam	1,025,000	110	112,750,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
737	05V.53	Tần giao	Uống		Tần giao			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	90,000	507	45,643,500	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
738	05V.65	Tiểu hồi	Uống		Tiểu hồi			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	8,000	82	655,200	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
739	05V.166	Từ uyển	Uống		Từ Uyển			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	22,000	180	3,950,100	Công Ty Cp Dl Trường Xuân	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
740	05V.54	Thiên niên kiện	Uống		Thiên niên kiện			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	45,000	56	2,520,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
741	05V.279	Thương truật	Uống		Thương truật			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	40,000	370	14,800,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
742	05V.226	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	Bao PE 1-5 kg, hàn kín	Gam	480,000	150	71,822,400	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	N3	G4	SYT	Đồng Nai	766/QĐ-SYT	9/6/2021
743	05V.333	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	81,000	383	31,035,150	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
744	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	142,000	399	56,643,800	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
745	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	377,000	527	198,679,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
746	05V.6	Quế chi	Uống		Quế chi			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	462,000	158	73,203,900	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
747	05V.68	Quế nhục	Uống		Quế nhục			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	83,000	234	19,426,150	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
748	05V.110	Actiso	Uống		Actiso (lá)			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	40,000	263	10,500,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
749	05V.312	Ba kích	Uống		Ba kích			cổ phần dược	Việt Nam	kín 2 lớp, 1-5kg	Gam	75,000	446	33,450,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
750	05V.179	Bá tử nhân	Uống		Bá tử nhân			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	3,000	882	2,646,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

751	05V.14	Bạc hà	Uống		Bạc hà			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	91,000	69	6,279,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
752	05V.69	Bạch biển đậu	Uống		Bạch biển đậu			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	33,000	78	2,574,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
753	05V.330	Đại táo	Uống		Đại táo			TNHH Đông dược	Việt Nam	1-5KG/túi nilon	Gam	1,115,000	75	83,123,250	Công Ty Tnhh Đông Dược Đồng Hưng Đường	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
754	05V.212	Đào nhân	Uống		Đào nhân			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	5,000	439	2,194,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
755	05V.212	Đào nhân	Uống		Đào nhân sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	88,000	436	38,368,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
756	05V.240	Đăng tâm thảo	Uống		Đăng tâm thảo			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	12,000	1,269	15,233,400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
757	05V.131	Địa cốt bì	Uống		Địa cốt bì			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	13,000	441	5,733,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
758	05V.173	Địa long	Uống		Địa long			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	33,000	975	32,175,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
759	05V.62	Đinh hương	Uống		Đinh hương			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	3,000	279	837,900	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
760	05V.214	Huyền hồ	Uống		Huyền hồ			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	33,000	300	9,900,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
761	05V.106	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	101,000	146	14,695,500	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
762	05V.231	Huyết dụ	Uống		Huyết dụ			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	12,000	126	1,512,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
763	05V.215	Huyết giác	Uống		Huyết giác			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	3,000	168	504,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
764	05V.198	Hương phụ	Uống		Hương phụ			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	118,000	70	8,260,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
765	05V.39	Hy thiêm	Uống		Hy thiêm			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	409,000	53	21,472,500	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
766	05V.216	Ích mẫu	Uống		Ích mẫu			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	154,000	42	6,468,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
767	05V.321	Ích trí nhân	Uống		Ích trí nhân			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	82,000	218	17,835,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
768	05V.40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Uống		(Thương nhĩ tử)			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	127,000	74	9,334,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
769	05V.217	Kê huyết đằng	Uống		Kê huyết đằng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	327,000	41	13,407,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
770	05V.272	Kê nội kim	Uống		Kê nội kim sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	15,000	87	1,307,250	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
771	05V.281	Kim anh	Uống		Kim anh			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	68,000	223	15,130,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
772	05V.245	Kim tiền thảo	Uống		Kim tiền thảo			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	121,000	53	6,352,500	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
773	05V.120	Long đởm thảo	Uống		Long đởm thảo			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	8,000	525	4,200,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
774	05V.305	Mạch môn	Uống		Mạch môn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	35,000	263	9,187,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
775	05V.24	Mạn kinh tử	Uống		Mạn kinh tử			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	66,000	137	9,009,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
776	05V.285	Mẫu lệ	Uống		Mẫu lệ			CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	1 - 5kg, có nhãn mác đúng	Gam	3,000	80	239,400	Công Ty Cổ Phần Dược Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
777	05V.200	Mộc hương	Uống		Mộc hương			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	380,000	168	63,840,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

778	05V.44	Mộc qua	Uống		Mộc qua			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	187,000	140	26,180,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
779	05V.219	Một dược	Uống		Một dược			CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	1 - 5kg, có nhãn mác đúng	Gam	23,000	362	8,331,750	Công Ty Cổ Phần Dược Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
780	05V.220	Nga truật	Uống		Nga truật			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	199,000	63	12,437,500	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
781	05V.26	Phù bình	Uống		Phù bình			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	13,000	61	791,700	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
782	05V.67	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Uống		(Hắc phụ, Bạch phụ)			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	32,000	278	8,904,000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
783	05V.6	Quế chi	Uống		Quế chi			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	483,000	35	16,905,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
784	05V.68	Quế nhục	Uống		Quế nhục			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	148,000	112	16,576,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
785	05V.127	Rau má	Uống		Rau má			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	45,000	115	5,175,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
786	05V.205	Sa nhân	Uống		Sa nhân			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	170,000	275	46,750,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
787	05V.309	Sa sâm	Uống		Sa sâm			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	Bao PE từ 1 - 5 kg, hàn kín	Gam	111,000	263	29,137,500	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
788	05V.124	Nhân trần	Uống		Nhân trần			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	141,000	47	6,627,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
789	05V.7	Sinh khương	Uống		Sinh khương			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	45,000	112	5,055,750	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
790	05V.290	Sơn thù	Uống		Sơn thù			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	108,000	258	27,896,400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
791	05V.233	Tam thất	Uống		Tam thất			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	9,000	1,355	12,190,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
792	05V.310	Thạch hộc	Uống		Thạch hộc			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	33,000	378	12,474,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
793	05V.64	Thảo quả	Uống		Thảo quả			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	8,000	227	1,814,400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
794	05V.187	Thảo quyết minh	Uống		Thảo quyết minh			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	3,000	32	96,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
795	05V.29	Thăng ma	Uống		Thăng ma			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	94,000	390	36,660,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
796	05V.297	Đương quy (di thực)	Uống		Đương quy (di thực)			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	50,000	795	39,737,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
797	05V.182	Liên tâm	Uống		Liên tâm			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	50,000	669	33,437,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
798	05V.254	Trạch tả	Uống		Trạch tả			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	164,000	521	85,394,800	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
799	05V.190	Vông nem	Uống		Vông nem			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	23,000	72	1,656,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
800	05V.100	Xạ đen	Uống		Xạ đen			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	9,000	74	661,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
801	05V.345	Xà sàng tử	Uống		Xà sàng tử			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	3,000	158	472,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
802	05V.257	Xa tiền tử	Uống		Xa tiền tử			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	17,000	210	3,570,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
803	05V.137	Xích thược	Uống		Xích thược			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	55,000	188	10,340,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

804	05V.226	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	Bao PE từ 1 - 5 kg, hàn kín	Gam	635,000	150	95,015,050	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
805	05V.226	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	130,000	175	22,750,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
806	05V.258	Ý dĩ	Uống		Ý dĩ			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	20,000	98	1,960,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
807	05V.258	Ý dĩ	Uống		Ý dĩ sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	192,000	92	17,740,800	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
808	05V.226	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	382,000	235	89,770,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
809	05V.302	A giao	Uống		A giao			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	18,000	650	11,700,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
810	05V.1	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	133,000	93	12,369,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
811	05V.236	linh, Bạch phục linh)	Uống		gọt vỏ thái phiến)			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	819,000	179	146,191,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
812	05V.130	Bạch mao căn	Uống		Bạch mao căn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	19,000	67	1,276,800	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
813	05V.153	Bạch quả (Ngân hạnh)	Uống		Bạch quả (Ngân hạnh)			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	8,000	126	1,008,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
814	05V.170	Bạch tật lê	Uống		Bạch tật lê			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	43,000	135	5,824,350	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
815	05V.295	Bạch thược	Uống		Bạch thược			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	869,000	156	135,564,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
816	05V.328	Bạch truật	Uống		Bạch truật			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	103,000	138	14,214,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
817	05V.328	Bạch truật	Uống		Bạch truật			TNHH Đông dược	Việt Nam	1-5KG/túi nilon	Gam	53,000	149	7,902,300	Công Ty Tnhh Đông Dược Đồng Hưng Đường	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
818	05V.328	Bạch truật	Uống		Bạch truật sao			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	364,000	141	51,214,800	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
819	05V.112	Bán chi liên	Uống		Bán chi liên			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	41,000	74	3,013,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
820	05V.141	Bán hạ nam (Củ chóc)	Uống		tẩm gừng sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	81,000	130	10,530,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
821	05V.180	Bình vôi (Ngải tượng)	Uống		Bình vôi (Ngải tượng)			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	62,000	94	5,797,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
822	05V.78	Bồ công anh	Uống		Bồ công anh			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	66,000	100	6,600,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
823	05V.1	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	146,000	556	81,234,400	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
824	05V.17	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	142,000	897	127,317,200	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N1	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
825	05V.151	Bách bộ	Uống		Bách bộ			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	3,000	170	510,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
826	05V.138	Bạch giới tử	Uống		Bạch giới tử			CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	1 - 5kg, có nhãn mác đúng	Gam	3,000	121	362,250	Công Ty Cổ Phần Dược Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
827	05V.74	Bạch hoa xà thiệt thảo	Uống		Bạch hoa xà thiệt thảo			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	49,000	108	5,292,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
828	05V.152	Bách hợp	Uống		Bách hợp			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	10,000	169	1,690,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
829	05V.140	Bán hạ bắc	Uống		Bán hạ bắc			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	49,000	336	16,464,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

830	05V.33	Cà gai leo	Uống		Cà gai leo			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	43,000	58	2,472,500	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
831	05V.329	Cam thảo	Uống		Cam thảo			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	613,000	200	122,600,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
832	05V.329	Cam thảo	Uống		Cam thảo sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	303,000	198	59,994,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
833	05V.315	Cẩu tích	Uống		Cẩu tích			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	594,000	48	28,690,200	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
834	05V.303	Câu kỷ tử	Uống		Câu kỷ tử			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	677,000	200	135,400,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
835	05V.228	Cỏ nhọ nồi	Uống		Cỏ nhọ nồi			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	33,000	75	2,475,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
836	05V.102	Chi tử	Uống		Chi tử			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	8,000	135	1,080,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
837	05V.194	Chỉ thực	Uống		Chỉ thực			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	29,000	61	1,766,100	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
838	05V.270	Dạ cẩm	Uống		Dạ cẩm			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	123,000	67	8,265,600	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
839	05V.262	Đại hoàng	Uống		Đại hoàng			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	11,000	184	2,021,250	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
840	05V.331	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	627,000	318	199,386,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
841	05V.331	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	373,000	335	124,955,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
842	05V.319	Đỗ trọng	Uống		Đỗ trọng			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	226,000	131	29,662,500	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
843	05V.296	Đương quy (Toàn quy)	Uống		Đương quy (Toàn quy)			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	1,010,000	285	287,850,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
844	05V.104	Hạ khô thảo	Uống		Hạ khô thảo			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	15,000	200	2,992,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
845	05V.298	Hà thủ ô đỏ	Uống		Hà thủ ô đỏ			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	81,000	205	16,605,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
846	05V.114	Hoàng bá	Uống		Hoàng bá			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	49,000	235	11,515,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
847	05V.116	Hoàng cầm	Uống		Hoàng cầm			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	23,000	336	7,728,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
848	05V.287	Nhục đậu khấu	Uống		Nhục đậu khấu			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	2,000	651	1,302,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
849	05V.323	Nhục thung dung	Uống		Nhục thung dung			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	65,000	925	60,128,250	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
850	05V.203	Ô dược	Uống		Ô dược			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	7,000	126	882,000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
851	05V.276	Ô tặc cốt	Uống		Ô tặc cốt			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	28,000	281	7,879,200	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
852	05V.324	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	Uống		Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	53,000	84	4,452,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
853	05V.250	Râu mèo	Uống		Râu mèo			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	93,000	76	7,021,500	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
854	05V.96	Sài đất	Uống		Sài đất			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	3,000	116	346,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
855	05V.135	Sinh địa	Uống		Sinh địa			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	307,000	130	39,910,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
856	05V.162	Tang bạch bì	Uống		Tang bạch bì			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	3,000	115	345,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

857	05V.49	Tang chi	Uống		Tang chi			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	415,000	40	16,600,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
858	05V.28	Tang diệp	Uống		Tang diệp			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	22,000	75	1,650,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
859	05V.50	Tang ký sinh	Uống		Tang ký sinh			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	1,278,000	45	57,510,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
860	05V.163	Tiền hồ	Uống		Tiền hồ			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	3,000	375	1,124,550	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
861	05V.163	Tiền hồ	Uống		Tiền hồ chích rượu			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	3,000	392	1,174,950	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
862	05V.225	Tô mộc	Uống		Tô mộc			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	128,000	43	5,510,400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
863	05V.294	Tô ngạnh	Uống		Tô ngạnh			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	23,000	121	2,777,250	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
864	05V.58	Can khương	Uống		Can khương			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	72,000	123	8,856,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
865	05V.156	Cát cánh	Uống		Cát cánh			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	174,000	236	41,064,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
866	05V.15	Cát căn	Uống		Cát căn			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	82,000	68	5,576,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
867	05V.171	Câu đằng	Uống		Câu đằng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	132,000	163	21,516,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
868	05V.238	Cỏ ngọt	Uống		Cỏ ngọt			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	128,000	115	14,668,800	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
869	05V.210	Cỏ xước (Ngưu tất nam)	Uống		(Ngưu tất nam)			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	160,000	55	8,736,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
870	05V.293	Củ gai	Uống		Củ gai			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	23,000	87	2,004,450	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
871	05V.17	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	153,000	423	64,741,950	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
872	05V.195	Chỉ xác	Uống		Chỉ xác			CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	1 - 5kg, có nhãn mác đúng	Gam	52,000	60	3,112,200	Công Ty Cổ Phần Dược Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
873	05V.35	Dây đau xương	Uống		Dây đau xương			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	765,000	47	35,955,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
874	05V.84	Diệp hạ châu	Uống		Diệp hạ châu			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	135,000	57	7,695,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
875	05V.60	Đại hồi	Uống		Đại hồi			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	49,000	263	12,862,500	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
876	05V.118	Hoàng liên	Uống		Hoàng liên			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	9,000	1,033	9,298,800	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
877	05V.213	Hồng hoa	Uống		Hồng hoa			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	Bao PE từ 1 - 5 kg, hàn kín	Gam	196,000	693	135,828,000	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
878	05V.4	Kinh giới	Uống		Kinh giới			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	39,000	58	2,262,000	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trường Thọ	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
879	05V.299	Long nhãn	Uống		Long nhãn			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	484,000	215	104,060,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
880	05V.246	Mã đề	Uống		Mã đề			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	43,000	105	4,515,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
881	05V.232	Ngải cứu (Ngải diệp)	Uống		Ngải cứu (Ngải diệp)			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	116,000	50	5,800,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
882	05V.307	Ngọc trúc	Uống		Ngọc trúc			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	69,000	307	21,155,400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
883	05V.45	Ngũ gia bì chân chim	Uống		Ngũ gia bì chân chim			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	483,000	57	27,289,500	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

884	05V.46	Ngũ gia bì gai	Uống		Ngũ gia bì gai			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	108,000	115	12,420,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
885	05V.286	Ngũ vị tử	Uống		Ngũ vị tử			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	111,000	415	46,065,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
886	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	406,000	156	63,336,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
887	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	63,000	135	8,505,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
888	05V.335	Nhân sâm	Uống		Nhân sâm			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	6,000	2,100	12,600,000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
889	05V.222	Nhũ hương	Uống		Nhũ hương			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	18,000	229	4,120,200	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
890	05V.164	Tô tử	Uống		Tô tử			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	17,000	100	1,695,750	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
891	05V.327	Tục đoạn	Uống		Tục đoạn			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	644,000	208	133,952,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
892	05V.167	Tỳ bà diệp	Uống		Tỳ bà diệp			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	66,000	80	5,266,800	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
893	05V.256	Tỳ giải	Uống		Tỳ giải			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	78,000	82	6,396,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
894	05V.136	Thiên hoa phấn	Uống		Thiên hoa phấn			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	18,000	118	2,116,800	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
895	05V.97	Thổ phục linh	Uống		Thổ phục linh			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	624,000	93	57,720,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
896	05V.253	Thông thảo	Uống		Thông thảo			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	10,000	1,230	12,295,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
897	05V.55	Trinh nữ (Xấu hổ)	Uống		Trinh nữ (Xấu hổ)			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	48,000	59	2,832,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
898	05V.255	Trư linh	Uống		Trư linh			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	13,000	410	5,323,500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
899	05V.56	Uy linh tiên	Uống		Uy linh tiên			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	62,000	382	23,684,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
900	05V.211	Đan sâm	Uống		Đan sâm			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	434,000	191	82,959,100	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
901	05V.296	Đương quy (Toàn quy)	Uống		Đương quy (Toàn quy)			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	220,000	289	63,580,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
902	05V.88	Giảo cổ lam	Uống		Giảo cổ lam			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	55,000	125	6,875,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
903	05V.71	Hà diệp (Lá sen)	Uống		Hà diệp (Lá sen)			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	45,000	56	2,520,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
904	05V.298	Hà thủ ô đỏ	Uống		chế đậu, bỏ lõi			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	223,000	180	40,140,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
905	05V.157	Hạnh nhân	Uống		Hạnh nhân			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	43,000	245	10,535,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
906	05V.196	Hậu phác	Uống		Hậu phác			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	76,000	164	12,448,800	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
907	05V.333	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	96,000	102	9,792,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
908	05V.333	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	305,000	100	30,500,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
909	05V.116	Hoàng cầm	Uống		Hoàng cầm			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	41,000	270	11,070,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp_T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
910	05V.159	Kha tử	Uống		Kha tử			CP Dược Sơn Lâm	Việt Nam	1 - 5kg, có nhãn mác đúng	Gam	62,000	127	7,877,100	Công Ty Cổ Phần Dược Sơn Lâm	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
911	05V.280	Khiếm thực	Uống		Khiếm thực			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	13,000	180	2,334,150	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

912	05V.280	Khiếm thực	Uống		Khiếm thực sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	43,000	180	7,720,650	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
913	05V.160	Khoản đông hoa	Uống		Khoản đông hoa			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	18,000	542	9,752,400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
914	05V.89	Khổ qua	Uống		Khổ qua			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	53,000	180	9,540,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
915	05V.218	Khương hoàng/Uất kim	Uống		hoàng/Uất kim			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	230,000	72	16,560,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
916	05V.42	Lá lốt	Uống		Lá lốt			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	82,000	65	5,330,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
917	05V.181	Lạc tiên	Uống		Lạc tiên			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	268,000	58	15,544,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
918	05V.92	Liên kiều	Uống		Liên kiều			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	92,000	426	39,192,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
919	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	101,000	98	9,847,500	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
920	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	224,000	94	20,966,400	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
921	05V.182	Liên tâm	Uống		Liên tâm			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	74,000	230	17,020,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
922	05V.134	Sâm đại hành	Uống		Sâm đại hành			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	20,000	136	2,720,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
923	05V.290	Sơn thù	Uống		Sơn thù chưng			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	230,000	263	60,375,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
924	05V.278	Sơn tra	Uống		Sơn tra			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	73,000	75	5,438,500	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
925	05V.185	Táo nhân	Uống		Táo nhân			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	3,000	570	1,710,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
926	05V.185	Táo nhân	Uống		Táo nhân			cổ phần dược trung	Việt Nam	1kg hút chân không	Gam	43,000	570	24,510,000	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
927	05V.9	Tế tân	Uống		Tế tân			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	243,000	455	110,565,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
928	05V.176	Thiên ma	Uống		Thiên ma			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	43,000	1,080	46,440,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
929	05V.311	Thiên môn đông	Uống		Thiên môn đông			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	18,000	295	5,310,900	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
930	05V.54	Thiên niên kiện	Uống		Thiên niên kiện			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	724,000	88	63,712,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
931	05V.301	Thục địa	Uống		Thục địa			cổ phần dược	Việt Nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	886,000	128	113,408,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
932	05V.279	Thương truật	Uống		Thương truật			cổ phần dược	Việt nam	PE 2 lớp, 1-5kg	Gam	53,000	438	23,214,000	Liên Doanh Dl Ninh Hiệp T.W.I	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
933	05V.254	Trạch tả	Uống		Trạch tả			TNHH Đông dược	Việt Nam	1-5KG/túi nilon	Gam	47,000	149	7,007,700	Công Ty Tnhh Đông Dược Đồng Hưng Đường	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
934	05V.254	Trạch tả	Uống		Trạch tả			cổ phần dược	Việt Nam	hút chân không, từ	Gam	27,000	75	2,025,000	Công Ty Cp Dp Thành Phát	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
935	05V.235	Trắc bách diệp	Uống		Trắc bách diệp sao cháy			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	13,000	105	1,365,000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
936	05V.208	Trần bì	Uống		Trần bì			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	Bao PE từ 1 - 5 kg, hàn kín	Gam	370,000	66	24,475,500	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
937	05V.109	Tri mẫu	Uống		Tri mẫu			cổ phần dược	Việt Nam	lớp, 1kg, 2kg, 5kg,	Gam	35,000	139	4,851,000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021

938	05V.189	Viễn chí	Uống		Viễn chí			nhánh công ty cổ phần dược	Việt Nam	Bao PE từ 1 - 5 kg, hàn kín	Gam	46,000	908	41,779,500	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
939	05V.189	Viễn chí	Uống		Viễn chí sao vàng			cổ phần dược	Việt Nam	Gói 1kg, 2kg, 5kg	Gam	242,000	945	228,690,000	Công Ty Cp Dược Liệu Việt Nam	N2	G5	SYT	Đồng Nai	768/QĐ-SYT	9/6/2021
940	05V.102	Chi tử	Uống		Chi tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	120,000	167	20,034,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
941	05V.195	Chỉ xác	Uống		Chỉ xác						g	200,000	84	16,800,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
942	05V.238	Cỏ ngọt	Uống		Cỏ ngọt						g	40,000	126	5,040,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
943	05V.228	Cỏ nhọ nồi	Uống		Cỏ nhọ nồi						g	60,000	80	4,788,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
944	05V.103	Cối xay	Uống		Cối xay						g	100,000	87	8,715,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
945	05V.34	Cốt khí củ	Uống		Cốt khí củ						g	170,000	139	23,562,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
946	05V.316	Cốt toái bổ	Uống		Cốt toái bổ						g	3,600,000	111	400,680,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
947	05V.293	Củ gai	Uống		Củ gai						g	40,000	134	5,376,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
948	05V.194	Chỉ thực	Uống		Chỉ thực						g	70,000	69	4,851,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
949	05V.17	Cúc hoa	Uống		Cúc hoa	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	330,000	495	163,201,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
950	05V.270	Dạ cẩm	Uống		Dạ cẩm						g	70,000	140	9,775,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
951	05V.262	Đại hoàng	Uống		Đại hoàng	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	25,000	206	5,145,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
952	05V.330	Đại táo	Uống		Đại táo	T-YDCT	T-YDCT				g	4,400,000	116	508,200,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
953	05V.317	Dâm dương hoắc	Uống		Dâm dương hoắc	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	15,000	326	4,882,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
954	05V.211	Đan sâm	Uống		Đan sâm	T-YDCT	T-YDCT				g	3,000,000	284	850,500,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
955	05V.331	Đảng sâm	Uống		Đảng sâm	T-YDCT	T-YDCT				g	5,000,000	521	2,604,000,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
956	05V.35	Dây đau xương	Uống		Dây đau xương						g	2,500,000	63	157,500,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
957	05V.318	Dây tơ hồng	Uống		Dây tơ hồng						g	10,000	83	829,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
958	05V.61	Địa liền	Uống		Địa liền						g	10,000	306	3,055,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
959	05V.173	Địa long	Uống		Địa long						g	300,000	1,100	330,120,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
960	05V.83	Diếp cá (Ngư tinh thảo)	Uống		(Ngư tinh thảo)						g	45,000	108	4,866,750	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
961	05V.84	Diệp hạ châu	Uống		Diệp hạ châu						g	180,000	93	16,821,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
962	05V.116	Hoàng cầm	Uống		Hoàng cầm	T-YDCT	T-YDCT				g	150,000	313	46,935,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021

963	05V.212	Đào nhân	Uống		Đào nhân	T-YDCT	T-YDCT				g	300,000	525	157,500,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
964	05V.334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Uống		Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	T-YDCT	T-YDCT				g	2,500,000	254	635,250,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
965	05V.118	Hoàng liên	Uống		Hoàng liên	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	80,000	1,009	80,724,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
966	05V.213	Hồng hoa	Uống		Hồng hoa	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	500,000	797	398,475,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
967	05V.198	Hương phụ	Uống		Hương phụ						g	200,000	105	21,000,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
968	05V.214	Huyền hồ	Uống		Huyền hồ	T-YDCT	T-YDCT				g	120,000	613	73,584,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
969	05V.106	Huyền sâm	Uống		Huyền sâm	T-YDCT	T-YDCT				g	300,000	134	40,320,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
970	05V.215	Huyết giác	Uống		Huyết giác						g	300,000	149	44,730,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
971	05V.39	Hy thiêm	Uống		Hy thiêm						g	470,000	67	31,584,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
972	05V.216	Ích mẫu	Uống		Ích mẫu						g	240,000	65	15,624,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
973	05V.40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Uống		(Thương nhĩ tử)						g	300,000	97	28,980,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
974	05V.217	Kê huyết đằng	Uống		Kê huyết đằng						g	3,000,000	65	195,300,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
975	05V.272	Kê nội kim	Uống		Kê nội kim						g	200,000	134	26,880,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
976	05V.280	Khiếm thực	Uống		Khiếm thực	T-YDCT	T-YDCT				g	40,000	317	12,684,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
977	05V.89	Khổ qua	Uống		Khổ qua						g	30,000	169	5,071,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
978	05V.119	Khổ sâm	Uống		Khổ sâm						g	100,000	76	7,560,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
979	05V.160	Khoản đông hoa	Uống		Khoản đông hoa	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	20,000	799	15,981,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
980	05V.218	Khương hoàng/Uất kim	Uống		hoàng/Uất kim						g	1,500,000	90	135,450,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
981	05V.41	Khương hoạt	Uống		Khương hoạt	T-YDCT	T-YDCT				g	2,300,000	1,449	3,332,700,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
982	05V.281	Kim anh	Uống		Kim anh	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	5,000	246	1,228,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
983	05V.90	Kim ngân đằng (Kim ngân cuộng)	Uống		đằng (Kim ngân cuộng)						g	150,000	80	11,970,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
984	05V.91	Kim ngân hoa	Uống		Kim ngân hoa	T-YDCT	T-YDCT				g	560,000	735	411,600,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
985	05V.245	Kim tiền thảo	Uống		Kim tiền thảo						g	350,000	80	27,930,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
986	05V.4	Kinh giới	Uống		Kinh giới						g	700,000	99	69,090,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
987	05V.143	La hán	Uống		La hán	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	15,000	558	8,363,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021

988	05V.42	Lá lốt	Uống		Lá lốt						g	30,000	89	2,677,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
989	05V.181	Lạc tiên	Uống		Lạc tiên						g	1,500,000	74	110,250,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
990	05V.92	Liên kiều	Uống		Liên kiều	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	200,000	453	90,510,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
991	05V.282	Liên nhục	Uống		Liên nhục						g	1,800,000	137	245,700,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
992	05V.182	Liên tâm	Uống		Liên tâm						g	260,000	302	78,624,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
993	05V.183	Linh chi	Uống		Linh chi	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	40,000	449	17,976,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
994	05V.120	Long đởm thảo	Uống		Long đởm thảo	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	40,000	517	20,664,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
995	05V.299	Long nhãn	Uống		Long nhãn						g	1,600,000	250	399,840,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
996	05V.22	Lức (Sài hồ nam)	Uống		Lức (Sài hồ nam)						g	50,000	76	3,780,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
997	05V.305	Mạch môn	Uống		Mạch môn						g	500,000	336	168,000,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
998	05V.275	Mạch nha	Uống		Mạch nha						g	250,000	57	14,175,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
999	05V.24	Mạn kinh tử	Uống		Mạn kinh tử						g	100,000	181	18,060,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1000	05V.133	Mẫu đơn bì	Uống		Mẫu đơn bì	T-YDCT	T-YDCT				g	800,000	212	169,680,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1001	05V.200	Mộc hương	Uống		Mộc hương	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	30,000	174	5,229,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1002	05V.201	Mộc hương nam	Uống		Mộc hương nam						g	80,000	57	4,536,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1003	05V.44	Mộc qua	Uống		Mộc qua	T-YDCT	T-YDCT				g	450,000	126	56,700,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1004	05V.247	Mộc thông	Uống		Mộc thông						g	100,000	80	7,980,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1005	05V.220	Nga truật	Uống		Nga truật						g	30,000	86	2,583,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1006	05V.232	Ngải cứu (Ngải diệp)	Uống		Ngải cứu (Ngải diệp)						g	50,000	67	3,360,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1007	05V.307	Ngọc trúc	Uống		Ngọc trúc	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	200,000	301	60,270,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1008	05V.45	Ngũ gia bì chân chim	Uống		Ngũ gia bì chân chim						g	2,000,000	65	130,200,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1009	05V.286	Ngũ vị tử	Uống		Ngũ vị tử	T-YDCT	T-YDCT				g	200,000	454	90,720,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1010	05V.221	Ngưu tất	Uống		Ngưu tất						g	3,800,000	193	734,160,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1011	05V.335	Nhân sâm	Uống		Nhân sâm	T-YDCT	T-YDCT				g	40,000	2,398	95,928,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1012	05V.124	Nhân trần	Uống		Nhân trần						g	350,000	67	23,520,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021

1013	05V.68	Quế nhục	Uống		Quế nhục						g	80,000	113	9,072,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1014	05V.8	Tân di	Uống		Tân di	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	10,000	277	2,772,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1015	05V.53	Tần giao	Uống		Tần giao	T-YDCT	T-YDCT				g	3,500,000	777	2,719,500,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1016	05V.162	Tang bạch bì	Uống		Tang bạch bì						g	100,000	133	13,335,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1017	05V.49	Tang chi	Uống		Tang chi						g	2,000,000	48	96,600,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1018	05V.50	Tang ký sinh	Uống		Tang ký sinh						g	3,400,000	50	171,360,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1019	05V.185	Táo nhân	Uống		Táo nhân	T-YDCT	T-YDCT				g	3,500,000	614	2,149,875,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1020	05V.9	Tế tân	Uống		Tế tân	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	200,000	415	82,950,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1021	05V.310	Thạch hộc	Uống		Thạch hộc						g	130,000	336	43,680,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1022	05V.186	Thạch quyết minh	Uống		Thạch quyết minh						g	50,000	170	8,505,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1023	05V.193	Thạch xương bồ	Uống		Thạch xương bồ						g	250,000	350	87,412,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1024	05V.29	Thăng ma	Uống		Thăng ma	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	170,000	449	76,398,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1025	05V.187	Thảo quyết minh	Uống		Thảo quyết minh						g	400,000	55	21,840,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1026	05V.136	Thiên hoa phấn	Uống		Thiên hoa phấn	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	60,000	188	11,277,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1027	05V.176	Thiên ma	Uống		Thiên ma	T-YDCT	T-YDCT				g	120,000	1,237	148,428,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1028	05V.311	Thiên môn đông	Uống		Thiên môn đông						g	250,000	559	139,650,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1029	05V.54	Thiên niên kiện	Uống		Thiên niên kiện						g	1,300,000	105	136,500,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1030	05V.148	Thổ bối mẫu	Uống		Thổ bối mẫu	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	5,000	635	3,176,250	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1031	05V.97	Thổ phục linh	Uống		Thổ phục linh						g	4,000,000	116	462,000,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1032	05V.301	Thục địa	Uống		Thục địa						g	3,300,000	162	533,610,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1033	05V.279	Thương truật	Uống		Thương truật	T-YDCT	T-YDCT				g	800,000	588	470,400,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1034	05V.163	Tiền hồ	Uống		Tiền hồ	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	30,000	392	11,749,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1035	05V.225	Tô mộc	Uống		Tô mộc						g	140,000	65	9,114,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1036	05V.235	Trắc bách diệp	Uống		Trắc bách diệp						g	80,000	158	12,600,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021

1037	05V.254	Trạch tả	Uống		Trạch tả						g	700,000	133	93,345,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1038	05V.208	Trần bì	Uống		Trần bì						g	2,100,000	101	211,680,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1039	05V.109	Tri mẫu	Uống		Tri mẫu	T-YDCT	T-YDCT				g	400,000	189	75,600,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1040	05V.98	Trinh nữ hoàng cung	Uống		Trinh nữ hoàng cung						g	70,000	95	6,615,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1041	05V.255	Trư linh	Uống		Trư linh	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	20,000	942	18,837,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1042	05V.166	Từ uyển	Uống		Từ uyển	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	20,000	210	4,200,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1043	05V.327	Tục đoạn	Uống		Tục đoạn						g	1,800,000	224	402,570,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1044	05V.256	Tỳ giải	Uống		Tỳ giải						g	320,000	88	28,224,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1045	05V.56	Uy linh tiên	Uống		Uy linh tiên	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	500,000	358	179,025,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1046	05V.189	Viễn chí	Uống		Viễn chí	T-YDCT	T-YDCT				g	900,000	1,040	935,550,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1047	05V.190	Vông nem	Uống		Vông nem						g	50,000	59	2,940,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1048	05V.100	Xạ đen	Uống		Xạ đen						g	50,000	95	4,725,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1049	05V.257	Xa tiền tử	Uống		Xa tiền tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	250,000	221	55,125,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1050	05V.137	Xích thược	Uống		Xích thược	T-YDCT	T-YDCT				g	1,300,000	294	382,200,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1051	05V.226	Xuyên khung	Uống		Xuyên khung	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	3,200,000	208	665,280,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1052	05V.258	Ý dĩ	Uống		Ý dĩ	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	2,000,000	114	228,900,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1053	05V.58	Can khương	Uống		Can khương						g	100,000	147	14,700,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1054	05V.15	Cát căn	Uống		Cát căn						g	250,000	86	21,525,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1055	05V.156	Cát cánh	Uống		Cát cánh	T-YDCT	T-YDCT				g	200,000	313	62,580,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1056	05V.171	Câu đằng	Uống		Câu đằng						g	250,000	214	53,550,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1057	05V.303	Câu kỷ tử	Uống		Câu kỷ tử	T-YDCT	T-YDCT				g	2,000,000	340	680,400,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1058	05V.315	Cẩu tích	Uống		Cẩu tích						g	3,000,000	59	176,400,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1059	05V.269	Chè dây	Uống		Chè dây						g	50,000	118	5,880,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1060	05V.336	Bạch hoa xà	Uống		Bạch hoa xà						g	20,000	140	2,793,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021

1061	05V.74	Bạch hoa xà thiệt thảo	Uống		Bạch hoa xà thiệt thảo						g	50,000	151	7,560,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1062	05V.236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Uống		Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	4,000,000	239	957,600,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1063	05V.130	Bạch mao căn	Uống		Bạch mao căn						g	150,000	84	12,600,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1064	05V.153	Bạch quả (Ngân hạnh)	Uống		Bạch quả (Ngân hạnh)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	50,000	279	13,965,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1065	05V.295	Bạch thược	Uống		Bạch thược	T-YDCT	T-YDCT				g	3,700,000	193	714,840,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1066	05V.328	Bạch truật	Uống		Bạch truật	T-YDCT	T-YDCT				g	3,700,000	244	901,320,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1067	05V.112	Bán chi liên	Uống		Bán chi liên	T-YDCT	T-YDCT				g	30,000	128	3,843,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1068	05V.141	Bán hạ nam (Củ chóc)	Uống		Bán hạ nam (Củ chóc)						g	101,000	158	15,907,500	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1069	05V.180	Bình vôi (Ngải tượng)	Uống		Bình vôi (Ngải tượng)						g	600,000	105	63,000,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1070	05V.78	Bồ công anh	Uống		Bồ công anh						g	430,000	103	44,247,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1071	05V.32	Bưởi bung (Cơm rượu)	Uống		Bưởi bung (Cơm rượu)						g	100,000	80	7,980,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1072	05V.33	Cà gai leo	Uống		Cà gai leo						g	100,000	121	12,075,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1073	05V.329	Cam thảo	Uống		Cam thảo	T-YDCT	T-YDCT				g	2,000,000	260	520,800,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1074	05V.85	Diệp hạ châu đắng	Uống		Diệp hạ châu đắng						g	5,000	80	399,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1075	05V.332	Đinh lăng	Uống		Đinh lăng						g	350,000	168	58,800,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1076	05V.319	Đỗ trọng	Uống		Đỗ trọng	T-YDCT	T-YDCT				g	4,300,000	158	677,250,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1077	05V.37	Độc hoạt	Uống		Độc hoạt	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	2,100,000	282	593,145,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1078	05V.296	Đương quy (Toàn quy)	Uống		Đương quy (Toàn quy)	T-YDCT	T-YDCT				g	5,500,000	483	2,656,500,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1079	05V.88	Giảo cổ lam	Uống		Giảo cổ lam						g	100,000	123	12,285,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1080	05V.104	Hạ khô thảo	Uống		Hạ khô thảo						g	90,000	145	13,041,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1081	05V.298	Hà thủ ô đỏ	Uống		Hà thủ ô đỏ	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	1,200,000	252	302,400,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1082	05V.157	Hạnh nhân	Uống		Hạnh nhân	T-YDCT	T-YDCT				g	70,000	315	22,050,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1083	05V.197	Hậu phác nam	Uống		Hậu phác nam						g	130,000	78	10,101,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1084	05V.271	Hoắc hương	Uống		Hoắc hương						g	7,000	161	1,124,550	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1085	05V.333	Hoài sơn	Uống		Hoài sơn						g	3,000,000	168	504,000,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1086	05V.114	Hoàng bá	Uống		Hoàng bá	T-YDCT	T-YDCT				g	250,000	254	63,525,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021

1087	05V.115	Hoàng bá nam (Núc nác)	Uống		nam (Núc nác)						g	70,000	84	5,880,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1088	05V.321	Ích trí nhân	Uống		Ích trí nhân	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	200,000	464	92,820,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1089	05V.25	Ngưu bàng tử	Uống		Ngưu bàng tử	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	30,000	254	7,623,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1090	05V.222	Nhũ hương	Uống		Nhũ hương	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	50,000	350	17,482,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1091	05V.323	Nhục thung dung	Uống		Nhục thung dung	T-YDCT	T-YDCT				g	150,000	1,033	154,980,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1092	05V.203	Ô dược	Uống		Ô dược						g	2,400,000	122	292,320,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1093	05V.324	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	Uống		Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	T-YDCT	T-YDCT				g	20,000	101	2,016,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1094	05V.47	Phòng phong	Uống		Phòng phong	T-YDCT	T-YDCT				g	3,800,000	668	2,537,640,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1095	05V.67	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Uống		Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	10,000	633	6,331,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1096	05V.184	Phục thần	Uống		Phục thần	T-YDCT; 7402/BYT-	T-YDCT; 7402/BYT-				g	1,000,000	295	295,050,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1097	05V.6	Quế chi	Uống		Quế chi						g	1,400,000	46	64,680,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1098	05V.251	Râu ngô	Uống		Râu ngô						g	30,000	93	2,803,500	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1099	05V.205	Sa nhân	Uống		Sa nhân						g	200,000	416	83,160,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1100	05V.309	Sa sâm	Uống		Sa sâm	T-YDCT	T-YDCT				g	1,000,000	363	363,300,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1101	05V.96	Sài đất	Uống		Sài đất						g	50,000	61	3,045,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1102	05V.27	Sài hồ	Uống		Sài hồ	T-YDCT	T-YDCT				g	600,000	594	356,580,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1103	05V.134	Sâm đại hành	Uống		Sâm đại hành						g	5,000	134	672,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1104	05V.135	Sinh địa	Uống		Sinh địa	T-YDCT	T-YDCT				g	600,000	137	81,900,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1105	05V.290	Sơn thù	Uống		Sơn thù	T-YDCT	T-YDCT				g	600,000	294	176,400,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1106	05V.278	Sơn tra	Uống		Sơn tra						g	180,000	86	15,498,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1107	05V.233	Tam thất	Uống		Tam thất	T-YDCT	T-YDCT				g	220,000	1,785	392,700,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1108	05V.312	Ba kích	Uống		Ba kích						g	450,000	767	344,925,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1109	05V.14	Bạc hà	Uống		Bạc hà						g	20,000	97	1,932,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1110	05V.69	Bạch biển đậu	Uống		Bạch biển đậu						g	500,000	97	48,300,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1111	05V.151	Bách bộ	Uống		Bách bộ						g	80,000	145	11,592,000	Công ty Cổ phần Đông Y dược Thăng Long	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021

1112	05V.1	Bạch chỉ	Uống		Bạch chỉ						g	600,000	99	59,220,000	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021
1113	05V.138	Bạch giới tử	Uống		Bạch giới tử						g	7,000	134	940,800	Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân	N2	G5	SYT	Hòa Bình	979/QĐ-SYT	6/5/2021